



(12) BẢN MÔ TẢ SÁNG CHẾ THUỘC BẰNG ĐỘC QUYỀN SÁNG CHẾ

(19) Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (VN)  
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

(11)



1-0029107

(51)<sup>7</sup> A61F 13/49; A61F 13/56; A61F 13/515 (13) B

(21) 1-2017-00551

(22) 24/07/2015

(86) PCT/JP2015/071129 24/07/2015

(87) WO 2016/013662 A1 28/01/2016

(30) 2014-152185 25/07/2014 JP

(45) 25/08/2021 401

(43) 25/05/2017 350A

(73) UNICHARM CORPORATION (JP)

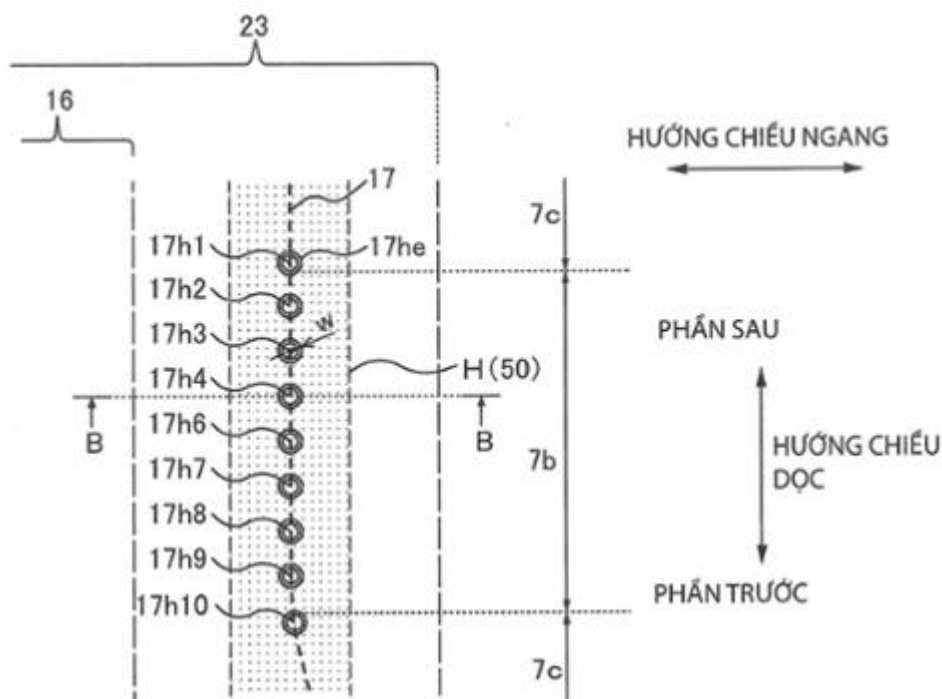
182 Kinseichoshimobun, Shikokuchuo-shi, Ehime 799-0111, Japan

(72) ISOGAI, Tomomi (JP); MIYAKE, Maki (JP).

(74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

#### (54) TẤ LÓT DÙNG MỘT LẦN

(57) Sáng chế đề cập đến tấm lót dùng một lần, bao gồm phần thắt lưng thứ nhất và thứ hai và phần đũng được bố trí theo hướng chiều dọc, bao gồm: cánh bên được tạo kết cấu sao cho các chi tiết tấm thứ nhất và thứ hai xếp chồng với nhau; băng gài được nối với cánh bên ở phía phần thắt lưng thứ hai; đường xé được bố trí trên cánh bên ở phía phần thắt lưng thứ hai, đường xé được tạo kết cấu sao cho bố trí các lỗ đi qua các chi tiết tấm thứ nhất và thứ hai; và các phần mép lỗ bao gồm các phần mép lỗ thứ nhất và thứ hai, chi tiết tấm thứ nhất bao gồm phần mép lỗ thứ nhất mà dọc theo đường tròn ngoài của lỗ thứ nhất và phần mép lỗ thứ hai mà dọc theo đường tròn ngoài của lỗ thứ hai cạnh lỗ thứ nhất, các phần mép lỗ thứ nhất và thứ hai xếp chồng với phần nối mà nối các chi tiết tấm thứ nhất và thứ hai xếp chồng với nhau.



**Lĩnh vực kỹ thuật được đề cập**

Sáng chế đề cập đến tã lót dùng một lần.

**Tình trạng kỹ thuật của sáng chế**

Các tã lót loại mở dùng một lần được sử dụng rộng rãi. Trong tã lót loại mở dùng một lần này, băng gài được bố trí vào cánh bên, và băng dính mà băng gài được khớp vào đó được bố trí ở phần trước (cũng được gọi là phần bụng hoặc phần thắt lưng trước). Do có thể đưa dễ dàng tã lót mở dùng một lần vào người mặc ngay cả khi ở trạng thái mà người mặc nằm xuống, thì tã lót này được sử dụng rộng rãi cụ thể đối với trẻ mới sinh và trẻ sơ sinh.

Tài liệu đối chứng

Tài liệu sáng chế

(Tài liệu sáng chế 1) Công bố đơn đăng ký sáng chế Nhật Bản số 2013-212212.

(Tài liệu sáng chế 2) Công bố đơn đăng ký sáng chế Nhật Bản số 2013-138702.

(Tài liệu sáng chế 3) Công bố đơn đăng ký sáng chế Nhật Bản số 2013-230256.

(Tài liệu sáng chế 4) Công bố đơn đăng ký sáng chế Nhật Bản số 2013-158573.

(Tài liệu sáng chế 5) Công bố đơn quốc tế số 2013/077360.

Tã lót mở dùng một lần có thể bao gồm các đường xé để xé được phần bề ngoài để tháo tã lót mà không làm rời băng gài khi tháo tã lót đã sử dụng khỏi cơ thể người mặc. Mỗi đường xé được tạo kết cấu với lỗ thủng hoặc tương tự mà trong đó bố trí nhiều lỗ. Bằng cách xé tã lót dọc theo lỗ thủng, tã lót có thể được tháo dễ dàng mà không làm rò rỉ chất thải và tương tự chảy bên trong tã lót.

Khi tã lót nhỏ hơn, lỗ thủng được tạo ra cũng nhỏ hơn, dẫn đến ít thấy rõ được. Do đó, trở nên khó để nắm được vị trí đường xé khi tháo tã lót. Cụ thể, khi người mặc là trẻ có cân nặng thấp với cân nặng bằng hoặc nhỏ hơn 3000 gam, có

thể cần phải đưa tã lót vào người mặc hoặc tháo nó ra khỏi trong lồng kính chiếu ánh sáng mờ. Trong môi trường chiếu ánh sáng mờ này, việc nắm vị trí của đường xé trở nên khó khăn hơn.

### **Bản chất kỹ thuật của sáng chế**

Sáng chế đề xuất vấn đề nêu trên, và khía cạnh của nó là tạo kết cấu đường xé mà được bố trí trong tã lót dùng một lần để dễ dàng thấy rõ được.

Để đạt được mục đích nêu trên, khía cạnh sáng chế là tã lót dùng một lần bao gồm phần thắt lưng thứ nhất, phần đũng, và phần thắt lưng thứ hai mà được bố trí theo hướng chiều dọc, tã lót dùng một lần bao gồm: cánh bên được tạo kết cấu sao cho chi tiết tấm thứ nhất và chi tiết tấm thứ hai xếp chồng với nhau; băng gài được nối với cánh bên ở phía phần thắt lưng thứ hai; đường xé được bố trí trên cánh bên ở phía phần thắt lưng thứ hai, đường xé được tạo kết cấu sao cho bố trí nhiều lỗ đi qua các chi tiết tấm thứ nhất và thứ hai; và các phần mép lỗ, các phần mép lỗ bao gồm các phần mép lỗ thứ nhất và thứ hai, chi tiết tấm thứ nhất bao gồm phần mép lỗ thứ nhất mà dọc theo đường tròn ngoài của phần mép lỗ thứ nhất và lỗ thứ hai mà dọc theo đường tròn ngoài của lỗ thứ hai cạnh lỗ thứ nhất, các phần mép lỗ thứ nhất và thứ hai xếp chồng với phần nối mà nối các chi tiết tấm thứ nhất và thứ hai xếp chồng với nhau.

### **Mô tả vắn tắt các hình vẽ**

Các dấu hiệu kỹ thuật khác của sáng chế sẽ được làm rõ qua bản mô tả sáng chế có tham chiếu đến các hình vẽ đi kèm.

Fig.1 là hình chiếu bằng dạng khai triển minh họa tã lót 1.

Các Fig từ Fig.2A đến Fig.2C là các sơ đồ giải thích các chi tiết rời minh họa các phần của tã lót 1. Fig.2A là sơ đồ giải thích các chi tiết rời minh họa phần trước 3. Fig.2B là sơ đồ giải thích các chi tiết rời minh họa phần đũng 5. Fig.2C là sơ đồ giải thích các chi tiết rời minh họa phần sau 7.

Fig.3 là sơ đồ minh họa trạng thái mà trong đó tã lót 1 được mặc bởi trẻ sơ sinh có cân nặng thấp.

Fig.4 là sơ đồ minh họa trạng thái mà trong đó tã lót 1 được tháo khỏi cơ thể người mặc.

Các Fig.5A và Fig.5B là sơ đồ mà mỗi sơ đồ minh họa kết cấu của đường xé 17 của tã lót 1.

Fig.6 là hình vẽ được mở rộng minh họa vùng của phần sau 7b của Fig.5A.

Fig.7 là sơ đồ minh họa hình vẽ mặt cắt ngang theo dọc đường B-B của Fig.6.

Các Fig.8A và 8B là sơ đồ minh họa các ví dụ của các mẫu khác của phần nối 50.

Fig.9 là sơ đồ giải thích minh họa trạng thái của lỗ 17h khi việc ép theo hướng chiều ngang thực hiện trên Fig.7.

Fig.10 là sơ đồ giải thích minh họa ví dụ khi phần nối 50 được tạo ra trong mẫu hình omega (hoặc mẫu hình xoắn ốc) ở vùng đích nối H.

Các Fig.11A và 11B là sơ đồ giải thích minh họa ví dụ khi các phần mép lỗ 17he và phần nối 50 không xếp chồng giữa chi tiết tám thứ nhất và chi tiết tám thứ ba.

### **Mô tả chi tiết sáng chế**

Ít nhất các vấn đề sau đây sẽ được làm rõ từ phần mô tả sáng chế có tham chiếu đến các hình vẽ dạng sơ đồ đi kèm.

Tã lót dùng một lần bao gồm phần thắt lưng thứ nhất, phần đũng, và phần thắt lưng thứ hai mà được bố trí theo hướng chiều dọc, tã lót dùng một lần bao gồm: cánh bên được tạo kết cấu sao cho chi tiết tám thứ nhất và chi tiết tám thứ hai xếp chồng với nhau; băng gài được nối với cánh bên ở phía phần thắt lưng thứ hai; đường xé được bố trí trên cánh bên ở phía phần thắt lưng thứ hai, đường xé được tạo kết cấu sao cho nhiều lỗ đi qua các chi tiết tám thứ nhất và thứ hai được bố trí; và các phần mép lỗ, các phần mép lỗ bao gồm các phần mép lỗ thứ nhất và thứ hai, chi tiết tám thứ nhất bao gồm phần mép lỗ thứ nhất mà dọc theo đường tròn ngoài của phần mép lỗ thứ nhất và lỗ thứ hai mà dọc theo đường tròn ngoài của lỗ thứ hai cạnh lỗ thứ nhất, các phần mép lỗ thứ nhất và thứ hai xếp chồng với phần nối

mà nối các chi tiết tấm thứ nhất và thứ hai xếp chồng với nhau.

Theo tả lót dùng một lần này, hai hoặc nhiều gần kề với nhau trong các lỗ tạo kết cấu đường xé được mở rộng, để nhận ra dễ dàng bằng mắt thường. Do đó, đường xé được tạo ra trong tả lót có thể thấy rõ dễ dàng.

Trong tả lót dùng một lần này, mong muốn là chi tiết tấm thứ nhất bao gồm các phần mép lỗ được tạo ra lần lượt dọc theo các đường tròn ngoài của các lỗ, và các phần mép lỗ xếp chồng với phần nối mà nối các chi tiết tấm thứ nhất và thứ hai.

Theo tả lót dùng một lần này, tất cả các lỗ tạo kết cấu đường xé được mở rộng để trở nên nhận biết được dễ dàng bằng mắt thường. Do đó, đường xé được tạo ra trong tả lót có thể thấy rõ hơn.

Trong tả lót dùng một lần này, mong muốn là chi tiết tấm thứ ba được bao gồm mà xếp chồng với chi tiết tấm thứ nhất trên bề mặt, của chi tiết tấm thứ nhất, đối diện với chi tiết tấm thứ hai, trong đó các phần mép lỗ thứ nhất và thứ hai xếp chồng với phần nối mà nối các chi tiết tấm thứ nhất và thứ hai và phần nối mà nối các chi tiết tấm thứ nhất và thứ ba.

Theo tả lót dùng một lần này, trong đường xé được tạo ra ở phần mà trong đó ba chi tiết tấm được tạo lớp, khi tác động lực để kéo các chi tiết tấm này theo hướng chiều ngang, việc mở rộng các lỗ tạo kết cấu đường xé có thể được nhận thấy bằng mắt thường dễ dàng. Do đó, đường xé có thể dễ dàng nhận thấy rõ.

Trong tả lót dùng một lần này, mong muốn là chi tiết tấm thứ ba được bao gồm mà xếp chồng với chi tiết tấm thứ nhất trên bề mặt, của chi tiết tấm thứ nhất, đối diện với chi tiết tấm thứ hai, trong đó các phần mép lỗ thứ nhất và thứ hai xếp chồng với phần nối mà nối các chi tiết tấm thứ nhất và thứ hai, và không xếp chồng với phần nối mà nối các chi tiết tấm thứ nhất và thứ ba.

Theo tả lót dùng một lần này, trong đường xé được tạo ra ở phần mà trong đó ba chi tiết tấm được tạo lớp, khi tác động lực để kéo các chi tiết tấm này theo hướng chiều ngang, việc mở rộng các lỗ tạo kết cấu đường xé có thể được nhận thấy bằng mắt thường dễ dàng khi nhìn từ phía chi tiết tấm thứ hai, việc mở rộng

các lỗ khó nhận thấy dễ dàng bằng mắt thường khi nhìn từ phía chi tiết tấm thứ ba. Do đó, có thể tạo ra đường xé mà kém nhận thấy rõ từ một phía bề mặt của tấm lót (từ bên ngoài) trong khi dễ dàng nhận thấy rõ từ bề mặt khác (từ bên trong).

Trong tấm lót dùng một lần này, mong muốn là chi tiết tấm thứ nhất được tạo ra sử dụng tấm màng.

Theo tấm lót dùng một lần này, do các lỗ được tạo ra trong tấm màng mà bề mặt của nó nhẵn, các mép ngoài (các mép) của các lỗ trở nên nhận thấy rõ một cách dễ dàng. Do đó, đường xé có thể dễ dàng nhận thấy rõ.

Trong tấm lót dùng một lần này, mong muốn là phần nổi được tạo ra sao cho keo hàn nhiệt được áp dụng theo hình xoắn ốc vào ít nhất một trong số chi tiết tấm thứ nhất và chi tiết tấm thứ hai.

Theo tấm lót dùng một lần này, lượng keo hàn nhiệt để nối các chi tiết tấm có thể được giảm xuống, nhờ đó có thể giảm chi phí. Hơn nữa, cân nặng trên đơn vị diện tích của keo hàn nhiệt được áp dụng vào (các) chi tiết tấm có thể được giảm xuống. Do đó, chi tiết tấm được giữ khỏi trở nên cứng do keo hàn nhiệt, vì vậy cảm nhận về tấm lót có thể được giữ mềm mại.

Trong tấm lót dùng một lần này, mong muốn là tỷ lệ các lỗ trên đơn vị chiều dài theo hướng mà trong đó đường xé kéo dài, theo vùng tương ứng với vùng mà trong đó băng gài được bố trí theo hướng chiều dọc, nhỏ hơn tỷ lệ các lỗ trên đơn vị chiều dài theo hướng mà trong đó đường xé kéo dài, theo vùng tương ứng với vùng mà trong đó băng gài không được bố trí theo hướng chiều dọc.

Theo tấm lót dùng một lần này, ngay cả khi trong trường hợp mà các băng gài được kéo theo hướng chiều ngang khi đưa tấm lót vào người mặc, các cánh bên được giữ khỏi bị kéo bật ra sai sót. Hơn nữa, khi tháo tấm lót, các cánh bên có thể được kéo bật ra một cách dễ dàng dọc theo các đường xé.

Trong tấm lót dùng một lần này, mong muốn là băng gài được khớp với phần thắt lưng thứ nhất, để tạo ra khoảng hở quanh thắt lưng đơn và cặp khoảng hở quanh chân, và các lỗ bao gồm trong đường xé được bố trí trên đường kéo dài từ phần tạo kết cấu khoảng hở quanh thắt lưng đến phần tạo kết cấu mỗi khoảng hở

quanh chân.

Theo tã lót dùng một lần này, ngay cả khi trong trường hợp mà người mặc tã lót nằm sấp (tư thế điều chỉnh), phần được nối với băng gài có thể được kéo bật ra dọc theo đường xé, nhờ đó có thể tháo tã lót khỏi cơ thể người mặc để di chuyển được ít nhất có thể.

Trong tã lót dùng một lần này, mong muốn là đường xé bao gồm phần đường thẳng kéo dài theo hướng chiều dọc từ phần tạo kết cấu khoảng hở quanh thắt lưng, và phần đường cong mà được làm cong, hướng ra bên ngoài theo hướng chiều ngang, ở vị trí bên trong theo hướng chiều dọc đối với phần đường thẳng.

Theo tã lót dùng một lần này, phần tương ứng với băng gài có thể được kéo bật ra một cách dễ dàng, ngay cả khi ở trạng thái mà người mặc tạo tư thế điều chỉnh với chân gấp theo dạng chữ M.

Trong tã lót dùng một lần này, mong muốn là đường chấm để xé được bao gồm mà được bố trí, trên cánh bên ở phía phần thắt lưng thứ nhất, ở cùng vị trí theo hướng chiều ngang như vị trí của đường xé, đường chấm để xé được tạo kết cấu sao cho bố trí nhiều lỗ đi qua các chi tiết tấm thứ nhất và thứ hai.

Theo tã lót dùng một lần này, phía bụng của tã lót có thể được xé dọc theo đường chấm để xé trong khi tã lót được mặc. Sau đó, bằng cách gấp lại phần xé này, phần bụng của người mặc có thể bị lộ ra trong khi người mặc đang mặc tã lót. Cụ thể, trong trường hợp mà người mặc là trẻ sơ sinh có cân nặng thấp và cần phải đưa vào điều trị dưới ánh sáng hoặc tương tự, có thể áp dụng ánh sáng vào vùng rộng của phần bụng bị lộ ra này, trong khi giữ thân trẻ có cân nặng thấp khỏi việc tiếp xúc nhiều nhất có thể.

Mô tả các phương án thực hiện sáng chế

(Kết cấu cơ bản của tã lót dùng một lần 1)

Tã lót dùng một lần 1 (sau đây, được gọi đơn giản là tã lót 1) theo phương án sáng chế nhằm chủ yếu được mặc bởi trẻ sơ sinh hoặc trẻ sơ sinh, và tã lót thích hợp dùng cho trẻ có cân nặng thấp với cân nặng bằng hoặc nhỏ hơn 3000 gam, cụ thể, trẻ sơ sinh có cân nặng thấp với cân nặng thấp hơn 2500 gam. Nên lưu ý là trẻ

có cân nặng thấp bao gồm không chỉ trẻ sơ sinh có cân nặng thấp (cân nặng thấp hơn 2500 gam) mà còn trẻ sơ sinh có cân nặng rất thấp (cân nặng thấp hơn 1500 gam) và trẻ có cân nặng cực thấp khi sinh ra (cân nặng thấp hơn 1000 gam).

Fig.1 là hình chiếu bằng dạng khai triển minh họa tã lót 1. Các Fig.2A đến Fig.2C là các sơ đồ giải thích các chi tiết rời minh họa các phần của tã lót 1. Fig.2A là sơ đồ giải thích các chi tiết rời minh họa phần trước 3. Fig.2B là sơ đồ giải thích các chi tiết rời minh họa phần đũng 5. Fig.2C là sơ đồ giải thích các chi tiết rời minh họa phần sau 7.

Tã lót 1 theo phương án sáng chế còn được gọi là tã lót mở dùng một lần, và bao gồm, như được minh họa trên Fig.1, phần thắt lưng thứ nhất 3, phần đũng 5, và phần thắt lưng thứ hai 7. Phần thắt lưng thứ nhất 3 được đặt ở phần trước (phía bụng, thắt lưng trước) của người mặc. Phần thắt lưng thứ hai 7 được đặt ở phần sau (phía sau, thắt lưng sau) của người mặc. Tuy nhiên, tã lót 1 có thể được mặc sao cho phần thắt lưng thứ nhất 3 được đặt ở phía sau người mặc, và phần thắt lưng thứ hai 7 được đặt ở phía bụng người mặc. Theo phần mô tả sau đây, “phần thắt lưng thứ nhất 3” cũng có thể được gọi là “phần trước 3”, và “phần thắt lưng thứ hai 7” có thể được gọi là “phần sau 7” để cho thuận tiện.

Hơn nữa, như được minh họa trên Fig.1, các hướng được xác định. Có nghĩa là, hướng từ phần trước 3 về phía phần sau 7 được định ra là “hướng chiều dọc”, hướng vuông góc với hướng chiều dọc được định ra là “hướng chiều ngang”. Nên lưu ý là hướng chiều dọc là dọc theo hướng chiều dọc sản phẩm, trong khi hướng chiều ngang là dọc theo hướng chiều ngang sản phẩm. Hơn nữa, như được minh họa trên Fig.2, hướng vuông góc với hướng chiều dọc và hướng chiều ngang được xác định là “hướng chiều dày”, trong đó phía tiếp xúc da của người mặc được xác định là “phía tiếp xúc da”, và phía đối diện của nó được xác định là “phía không tiếp xúc với da”.

Tã lót 1 bao gồm vùng kiểu dải trung tâm 12, các cánh bên 14, và các chun phía quanh chân 16. Các cánh bên 14 theo cặp lần lượt được gắn với các băng gài 30. Các băng gài này được khớp với phần thắt lưng thứ nhất sao cho khoảng hở



quanh thắt lưng đơn và cặp khoảng hở quanh chân được tạo ra.

Vùng kiểu dải trung tâm 12 là vùng kiểu dải mà được tạo kết cấu với phần trước 3, phần đũng 5, và phần sau 7, và được đặt vào phần trung tâm theo hướng chiều ngang (xem Fig.1). Vùng kiểu dải trung tâm 12 là phần được tạo kết cấu để thấm hút và giữ nước tiểu và tương tự được bài tiết bởi người mặc. Vùng kiểu dải trung tâm 12 có dạng hình thuôn bao gồm thân thấm hút giữ chất lỏng 21 (hình dạng dọc theo hướng chiều dọc). Vùng kiểu dải trung tâm 12 chủ yếu bao gồm thân thấm hút 21, tấm phía trên 22, tấm chống rò rỉ 23, và tấm phía dưới 24 (xem các Fig.2A đến 2C).

Thân thấm hút 21 là chi tiết mà được tạo ra sao cho các vật liệu thấm hút chất lỏng có khả năng thấm hút các chất rò rỉ như nước tiểu và tương tự được chồng lên, và mà được bố trí ở phần trước 3, phần đũng 5, và phần sau 7. Vùng được gạch trên Fig.1 chỉ vùng tương ứng với thân thấm hút 21. Thân thấm hút 21 có dạng đồng hồ cát này có chiều rộng thu hẹp theo phần trung tâm theo chiều dọc của nó. Tuy nhiên, thân thấm hút 21 không bị giới hạn đối với hình dạng được minh họa trên Fig.1, nhưng có thể là dạng hình chữ nhật đơn giản. Hơn nữa, thân thấm hút 21 có thể được bố trí ở ít nhất trong phần đũng 5. Thân thấm hút 21 được bố trí để tạo lớp giữa tấm phía trên 22 và tấm chống rò rỉ 23. Như vật liệu thấm hút chất lỏng tạo kết cấu thân thấm hút 21, các sợi thấm hút chất lỏng như sợi bột giấy, và/hoặc các hạt thấm hút chất lỏng như polyme siêu thấm hút có thể được sử dụng. Hơn nữa, vật liệu thấm hút chất lỏng khác các sợi thấm hút chất lỏng và có thể bao gồm các hạt thấm hút chất lỏng.

CL được minh họa trên Fig.1 là đường chỉ trung tâm của tã lót 1 theo hướng chiều dọc. Trong tã lót 1, phần đũng 5 được đặt sao cho phần trung tâm của đũng của người mặc trùng khớp với phần trung tâm của phần đũng 5. Phần trung tâm của đũng người mặc có nghĩa là phần trung tâm các bẹn (háng), và được đặt để làm lệch, với phía phần trước, từ vị trí trung tâm theo chiều dọc CL của tã lót 1 (xem Fig.1). Do phần trung tâm của phần đũng 5 được đặt ở phía phần trước đối với vị trí trung tâm CL của tã lót 1, người mặc có thể di chuyển chân một cách dễ

dàng về phía trước (đối với phía bụng). Hơn nữa, do diện tích phần sau 7 trong tất 1 được làm tương đối lớn, mông của người mặc có thể được che phủ vừa đủ.

Tấm phía trên 22 là chi tiết thấm chất lỏng được bố trí ở phía tiếp xúc da của thân thấm hút 21, và được làm bằng, ví dụ, vải không dệt. Tấm chống rò rỉ 23 là chi tiết thấm chất lỏng được bố trí ở phía không tiếp xúc với da của thân thấm hút 21, và được tạo ra sử dụng (được làm bằng), ví dụ, tấm màng (màng/tấm). Tấm phía dưới 24 được bố trí ở phía không tiếp xúc với da của tấm chống rò rỉ 23 (xem các Fig.2A đến Fig.2C). Tấm phía dưới 24 là chi tiết tạo kết cấu bề ngoài của tất 1 ở phía không tiếp xúc với da (tấm bề ngoài), và được làm bằng, ví dụ, vải không dệt.

Các cánh bên 14 là các phần được đặt ở cả hai phía, theo hướng chiều ngang, của vùng kiểu dải trung tâm 12. Các cánh bên 14 được tạo ra ngang qua phần trước 3, phần đũng 5, và phần sau 7 (xem Fig.1). Chiều dài (rộng) theo hướng chiều ngang của các cánh bên 14 trong phần đũng 5 nhỏ hơn các chiều dài (rộng) theo hướng chiều ngang của các cánh bên 14 ở phần trước 3 và phần sau 7. Hơn nữa, chiều dài (rộng) theo hướng chiều ngang của các cánh bên 14 trong phần sau 7 dài hơn các chiều dài (rộng) theo hướng chiều ngang của các cánh bên 14 ở phần trước 3 (xem Fig.1). Chun quanh chân 15 (phần kéo giãn được dạng đường tròn quanh chân), mà kéo giãn được dọc theo hướng chiều dọc, được tạo ra ở cả hai phần đầu theo hướng chiều ngang của các cánh bên 14 ở dạng cặp.

Mỗi cánh bên 14 chủ yếu được tạo kết cấu với tấm phía tiếp xúc với da 26 và tấm phía dưới 24 (xem các Fig.2A đến Fig.2C). Tấm phía tiếp xúc với da 26 là chi tiết ở phía tiếp xúc da được tạo ra cắt ngang phần trước 3, phần đũng 5, và phần sau 7 và được làm bằng, ví dụ, vải không dệt. Tấm phía tiếp xúc với da 26 còn là chi tiết tạo kết cấu các chun phía quanh chân 16 (các chun dựng lên), và phần bên ngoài của tấm phía tiếp xúc với da 26 (phần ở phía bên ngoài đối với phần nối 26A được thể hiện bằng đường nét đứt trên Fig.1) tạo kết cấu cánh bên 14. Tấm phía tiếp xúc với da 26 và tấm phía dưới 24 được nối với nhau với keo hàn nhiệt (sau đây, cũng được gọi là “HMA”). Hơn nữa, trong một cặp cánh bên

14, tấm chống rò rỉ 23 được bố trí theo cách là được tạo lớp giữa tấm phía tiếp xúc với da 26 và tấm phía dưới 24 (xem các Fig.2A đến Fig.2C).

Chi tiết co giãn 27 được bố trí giữa tấm phía tiếp xúc với da 26 và tấm phía dưới 24 trong cánh bên 14. Chi tiết co giãn 27 là chi tiết dạng sợi mà kéo giãn được dọc theo hướng chiều dọc, và bố trí có thể co giãn được (co giãn) vào mỗi khoảng hở quanh chân khi mặc tã lót 1. Có nghĩa là, chi tiết co giãn 27 là chi tiết co giãn dạng đường tròn quanh chân được tạo kết cấu để làm vừa mỗi phần đường tròn quanh chân vào mỗi chân của người mặc. Chi tiết co giãn 27 bố trí có thể kéo giãn được đối với tấm phía tiếp xúc với da 26 và tấm phía dưới 24 trong phần đứng 5, sao cho chun quanh chân 15 được tạo ra. Trên Fig.1, hai chi tiết co giãn 27 được bố trí dọc theo hướng chiều dọc để mỗi cánh bên 14 ở dạng cặp. Tuy nhiên, số lượng và sự bố trí của các chi tiết co giãn 27 không bị giới hạn ở đó nhưng có thể điều chỉnh khi cần thiết. Các chi tiết co giãn 27 được làm bằng, ví dụ, chỉ cao su hoặc tương tự.

Các chun phía quanh chân 16 là các chun dựng lên để ngăn sự rò rỉ từ khoảng trống của mỗi phần dạng đường tròn quanh chân. Các chun phía quanh chân 16 ở dạng cặp được tạo ra dọc theo hướng chiều dọc ở phần trước 3, phần đứng 5, và phần sau 7 (xem Fig.1). Các chun phía quanh chân 16 được tạo ra sao cho cả hai mép của vùng kiểu dải trung tâm 12 được che phủ bằng các cánh bên 14 ở phía bên trong.

Các chun phía quanh chân 16 chủ yếu được tạo kết cấu với các phần bên trong của tấm phía tiếp xúc với da 26 (xem Fig.2). Các mép bên trong của tấm phía tiếp xúc với da 26 ở phần đứng 5 có thể kéo giãn được do chỉ cao su hoặc tương tự. Tấm phía tiếp xúc với da 26 được nối dọc theo hướng chiều dọc ở phần nối 26A giữa vùng kiểu dải trung tâm 12 và mỗi cánh bên 14 (đường nét đứt trên Fig.1). Vùng ở phía bên trong đối với phần nối 26A của tấm phía tiếp xúc với da 26 tạo kết cấu các chun phía quanh chân 16 (các chun dựng lên), với phần nối 26A dùng làm phần đỡ.

Các băng gài 30 lần lượt được gắn vào các cánh bên 14 của phần sau 7

(xem Fig.1). Băng gài 30 được nối sao cho cặp băng gài 30 này được tạo lớp giữa tấm phía tiếp xúc với da 26 và tấm phía dưới 24 mà tạo kết cấu cánh bên 14 (xem Fig.2C).

Băng dính 29 được bố trí ở phần trước 3 của tấm lót 1 (xem Fig.1). Băng dính 29 được bố trí ở phía không tiếp xúc với da của phần trước 3 (xem Fig.2A). Băng dính 29 là chi tiết có khả năng được làm khớp với các băng gài 30, và được làm bằng, ví dụ, vải không dệt. Băng dính 29 tạo kết cấu vùng dính mà các băng gài 30 được làm khớp với. Nên lưu ý là vùng dính có thể được tạo ra bằng vải không dệt là lớp ngoài cùng của tấm phía dưới 24, thay vì bố trí băng dính 29 ở phía không tiếp xúc với da của tấm phía dưới 24. Mặc tấm lót 1, có các băng gài 30 được khớp với băng dính 29.

Hơn nữa, các đường xé 17 được thể hiện bằng đường chấm dày trên Fig.1 lần lượt được bố trí ở các cánh bên 14 trong phần sau 7, mặt khác, lần lượt được bố trí ở các cánh bên 14 ở phía mà các băng gài 30 được nối trên đó. Các đường xé 17 sẽ được mô tả chi tiết sau.

Chiều dài sản phẩm theo hướng chiều dọc của tấm lót 1 dùng cho trẻ sơ sinh có cân nặng thấp theo phương án sáng chế (kích cỡ ở trạng thái mà sản phẩm được kéo giãn mà không có nếp nhăn theo hướng chiều dọc) nằm trong khoảng từ 210mm đến 330mm. Ví dụ, chiều dài sản phẩm của tấm lót 1 dùng cho trẻ sơ sinh có cân nặng thấp mà cân nặng thấp hơn 2500 gam là 310mm, chiều dài sản phẩm của tấm lót 1 dùng cho dùng cho trẻ sơ sinh có cân nặng rất thấp mà cân nặng thấp hơn 1500 gam là 270mm, và chiều dài sản phẩm của tấm lót 1 dùng cho trẻ sơ sinh có cân nặng cực thấp mà cân nặng thấp hơn 1000 gam là 230mm.

Hơn nữa, kích cỡ thắt lưng của tấm lót 1 dùng cho trẻ sơ sinh có cân nặng thấp theo phương án sáng chế nằm trong khoảng từ 160mm đến 295mm. Nên lưu ý là kích cỡ thắt lưng là kích cỡ mà ở trạng thái mà phần đầu của băng gài 30 này được chỉnh thẳng với phần đầu ở phía cánh bên 14 trong vùng tấm móc C của băng gài 30 kia và sản phẩm đó được kéo giãn ra mà không có nếp nhăn. Mặt khác, kích cỡ thắt lưng là kích cỡ mà ở trạng thái mà sản phẩm được kéo giãn ra

theo hướng chiều ngang. Ví dụ, kích cỡ thắt lưng của tã lót 1 dùng cho trẻ sơ sinh có cân nặng thấp là 273,5mm, và kích cỡ thắt lưng của tã lót 1 dùng cho trẻ sơ sinh có cân nặng rất thấp mà cân nặng thấp hơn 1500 gam là 220mm.

(Việc mặc/tháo tã lót 1)

Tiếp theo, phương pháp mặc/tháo tã lót 1 sẽ được mô tả. Khi đưa tã lót 1 vào người mặc, tã lót 1 ở trạng thái khai triển được minh họa trên Fig.1 được bố trí sao cho phần sau 7 ở vùng kiềng dải trung tâm 12 dọc theo phía lưng của người mặc và phần sau 3 dọc theo phía bụng của người mặc. Sau đó, các băng gài 30 được khớp với băng dính 29 được bố trí ở phần trước 3, sao cho các cánh bên 14 ở phần sau 7 được cuốn xung quanh người mặc theo hướng đường tròn quanh thắt lưng từ phía lưng của người mặc đến phía bụng.

Fig.3 là sơ đồ minh họa trạng thái mà trong đó tã lót 1 được mặc bởi trẻ sơ sinh có cân nặng thấp. Như đã được nêu, tã lót 1 theo phương án sáng chế chủ yếu nhằm mục đích để mặc cho trẻ sơ sinh có cân nặng thấp. Khi người mặc là trẻ sơ sinh có cân nặng thấp, cụ thể, trẻ sơ sinh có cân nặng rất thấp (cân nặng thấp hơn 1500 gam) hoặc trẻ sơ sinh có cân nặng cực thấp (cân nặng thấp hơn 1000 gam), “thao tác tối thiểu” có thể cần để tránh việc chạm vào thân của đứa trẻ nhiều nhất có thể, nhờ đó giữ trẻ sơ sinh tránh khỏi áp lực. Do đó, sau khi tã lót 1 đã được mặc bởi trẻ sơ sinh có cân nặng thấp này, mong muốn là người mặc được nằm để được giữ ở trạng thái nghỉ mà lưng cong dạng chữ C với chân gấp dạng chữ M, như được minh họa trên Fig.3. Tư thế này được minh họa trên Fig.3 gần với vị trí thai nhi trong cơ thể người mẹ (tư thế uốn cong của thai nhi), và là tư thế làm cho người mặc được nghỉ dễ dàng, mà đồng thời được gọi là “tư thế điều chỉnh”.

Khi tã lót 1 được tháo khỏi cơ thể người mặc, các băng gài 30 mà được khớp với băng dính 29 được tháo ra, sao cho tã lót 1 được hiện ra theo cách tiến hành ngược với cách tiến hành khi mặc. Tuy nhiên, khi người mặc ở tư thế điều chỉnh này như trên Fig.3, các băng gài 30 bị khuất bởi người mặc ở phía bụng. Do đó, để tháo các băng gài 30, cơ thể người mặc cần phải đặt nằm ngửa một lần sao cho có thể nhìn thấy bụng của người mặc. Tuy nhiên, không mong muốn di chuyển

cơ thể người mặc chỉ để tháo tã lót 1, được coi là "thao tác tối thiểu". Do đó, trong tã lót 1, các đường xé 17 lần lượt được bố trí ở các cánh bên 14 sao cho tã lót 1 có thể tháo được mà không cần di chuyển cơ thể người mặc.

Fig.4 là sơ đồ minh họa trạng thái mà trong đó tã lót 1 được tháo khỏi cơ thể người mặc. Khi tã lót 1 được tháo, các cánh bên 14 được xé dọc theo các đường xé 17 từ khoảng hở quanh thắt lưng đến mỗi khoảng hở quanh chân. Do đó, tã lót 1 có thể tháo được khỏi cơ thể người mặc, trong khi các băng gài 30 được khớp với băng dính 29 ở phía bụng. Có nghĩa là, như được minh họa trên Fig.4, các phần được nối với các băng gài 30 lần lượt được cắt từ các cánh bên 14 ở cả hai phần đầu theo hướng chiều ngang của tã lót 1, sao cho tã lót 1 sẽ được mang ở trạng thái khai triển. Do đó, có thể tháo tã lót 1 một cách dễ dàng mà không cần thay đổi tư thế của người mặc (trẻ sơ sinh có cân nặng thấp).

(Kết cấu của đường xé)

Kết cấu chi tiết của các đường xé 17 được bố trí ở tã lót 1 sẽ được mô tả.

Các Fig.5A và Fig.5B là sơ đồ mà mỗi sơ đồ minh họa kết cấu của đường kéo bật ra 17 của tã lót 1. Các đường xé 17 này theo phương án sáng chế lần lượt được bố trí trong các cánh bên 14 ở phía phần sau 7 theo hướng chiều dọc, có nghĩa là, được bố trí ở các cánh bên 14 ở phía mà các băng gài 30 được nối với. Các đường xé được tạo ra theo cách đục lỗ sao cho nhiều lỗ 17h được đặt theo dãy trên đường kéo dài từ khoảng hở quanh thắt lưng đến mỗi khoảng hở quanh chân. Các lỗ 17h này đi qua, theo hướng chiều dày, tấm phía tiếp xúc với da 26 và tấm phía dưới 24 tạo kết cấu mỗi cánh bên 14, và còn đi qua tấm chống rò rỉ 23 theo cặp của vùng này. Fig.5A minh họa ví dụ về các lỗ tròn 17h, và Fig.5B minh họa ví dụ về các lỗ hình ovan 17h. Nên lưu ý là các lỗ 17h có thể được tạo ra ở dạng khác nêu trên và, ví dụ, có thể được tạo thành các khe hình chữ nhật hoặc tương tự. Hơn nữa, kích cỡ của các lỗ 17h (đường kính của mỗi khoảng hở) được xác định theo kích cỡ của tã lót 1 và/hoặc chất lượng của vật liệu tạo kết cấu tấm phía tiếp xúc với da 26 và tương tự.

Trên các Fig.5A và 5B, phần sau 7 theo hướng chiều dọc của tã lót 1 được

chia thành ba vùng, mà là phần sau 7a, phần sau 7b, và phần sau 7c. Phần sau 7b được bố trí ở vị trí về cơ bản là tương ứng với vị trí của băng gài 30 theo hướng chiều dọc. Phần sau 7a là vùng ở phía sau theo hướng chiều dọc (ở phía ngoài theo hướng chiều dọc) đối với phần sau 7b. Phần sau 7c là vùng ở phía trước theo hướng chiều dọc (ở phía trong theo hướng chiều dọc) đối với phần sau 7b. Các lỗ 17h của đường xé 17 tạo ra phần thẳng mà trong đó các lỗ được đặt theo dãy thẳng theo hướng chiều dọc dọc theo phần nối 26A giữa vùng kiêu dãi trung tâm 12 và cánh bên 14 ở các phần sau 7a và 7b. Hơn nữa, các lỗ 17h tạo ra phần cong mà trong đó các lỗ được đặt theo dãy theo cách là được làm cong về phía mỗi khoảng hở quanh chân được đặt vào phần đầu hướng ra bên ngoài theo hướng chiều ngang của tấm lót 1 ở phần sau 7c. Do đó, do mỗi đường xé 17 bao gồm phần thẳng và phần cong, các cánh bên 14 có thể dễ dàng được cắt bỏ ngay cả khi ở trạng thái mà mặc tấm lót 1. Ví dụ, khi người mặc mặc tấm lót 1 tạo tư thế điều chỉnh như được minh họa trên Fig.3, chân của người mặc được uốn cong ở dạng chữ M để được đặt ở phía trước cơ thể, và do đó khoảng hở quanh chân của tấm lót 1 dẫn đến được đặt ở phía trước. Ở trạng thái này, khi xé các cánh bên 14 từ khoảng hở quanh thắt lưng đến mỗi khoảng hở quanh chân, cần để xé chéo dọc theo hướng mà trong đó mỗi chân được uốn cong. Do đó, trong tấm lót 1 theo phương án sáng chế, các đường xé 17 lần lượt được làm cong về phía khoảng hở quanh chân. Do đó, bằng cách xé các cánh bên 14 dọc theo các đường xé 17 này, các phần tương ứng với các băng gài 30 có thể dễ dàng cắt bỏ ngay cả khi người mặc tạo tư thế điều chỉnh.

Hơn nữa, khoảng trống (bước rãnh) giữa các lỗ 17h mà cạnh nhau ở mỗi đường xé 17 thay đổi đối với vùng. Cụ thể, bước rãnh Lhb giữa mép đường cong bên ngoài của lỗ 17h này và mép đường cong bên ngoài của lỗ kế tiếp 17h ngay gần kề nó ở phần sau 7b lớn hơn bước rãnh Lha giữa mép đường cong bên ngoài của lỗ 17h này và mép đường cong bên ngoài của lỗ kế tiếp 17h ngay gần kề nó ở các phần sau 7a và 7c ( $Lhb > Lha$ ). Mặt khác, tỷ lệ các lỗ 17h trên mỗi đơn vị chiều dài trên đường xé 17 ở phần sau 7b nhỏ hơn tỷ lệ các lỗ 17h trên đơn vị chiều dài trên đường xé 17 ở các phần sau 7a và 7c. Điều đó có nghĩa là, tỷ lệ của các lỗ đi

qua tấm phía tiếp xúc với da 26 và tấm phía dưới 24 nhỏ hơn ở phần sau 7b, và do đó các cánh bên 14 được cắt bỏ ít dễ dàng, so với trường hợp ở các phần sau 7a và 7c. Điều này là để ngăn các cánh bên 14 khỏi bị xé bởi lực về phía ngoài theo hướng chiều ngang tác động đến phần sau 7b, khi các băng gài 30 được kéo về cả hai phía theo hướng chiều ngang trong khi mặc tã lót 1. Ngược lại, kết cấu sao cho các cánh bên 14 được xé một cách dễ dàng hơn, khi tháo tã lót 1, ở phần sau 7a, mà trong đó các cánh bên 14 bắt đầu được xé, và ở phần sau 7c, mà trong đó các đường xé 17 được làm cong, so với phần sau 7b. Do đó, các cánh bên 14 được ngăn khỏi bị xé ngẫu nhiên khi tã lót 1 được mặc, trong khi, khi tã lót 1 được tháo, các cánh bên 14 có thể được xé dọc theo các đường xé 17 một cách dễ dàng.

(Hình dáng bên ngoài của đường xé)

Các đường xé 17 được bố trí ở phía người mặc khi mặc tã lót 1. tuy nhiên, do các lỗ 17h tạo kết cấu các đường xé 17 rất nhỏ về kích cỡ trong nhiều trường hợp, các đường xé 17 ít nhận ra hình dáng bên ngoài bằng mắt thường một cách dễ dàng. Do tã lót 1 theo phương án sáng chế nhằm để mặc cho trẻ sơ sinh có cân nặng thấp, kích cỡ của chính tã lót nhỏ. Do đó, mỗi lỗ 17h nhiều khả năng được tạo ra nhỏ. Do đó, khi tháo tã lót 1, vị trí của các đường xé 17 có thể ít nhận thấy bằng mắt thường dễ dàng. Hơn nữa, ở bệnh viện và tương tự, trẻ sơ sinh có cân nặng thấp có thể được giữ trong lồng ấp, tuy nhiên, lồng ấp này, mà tái tạo được bên trong tử cung, có thể không có ánh sáng. Khi thực hiện công việc tháo/mặc tã lót 1 trong môi trường mờ không có ánh sáng này, khó hơn để nhận thấy vị trí của các đường xé 17.

Đối với các vấn đề này, trong tã lót 1 theo phương án sáng chế, các lỗ 17h của đường xé 17 được tạo kết cấu để có thể nhận thấy dễ dàng (nhận thấy bằng mắt thường dễ dàng), sao cho vị trí của các đường xé 17 được nhận thấy bằng mắt thường một cách dễ dàng khi đưa tã lót 1 và vào tháo nó ra.

Fig.6 là hình vẽ được mở rộng minh họa vùng của phần sau 7b của Fig.5A. Fig.7 là sơ đồ minh họa hình vẽ mặt cắt ngang theo dọc đường B-B của Fig.6. Nên lưu ý là Fig.6 minh họa mười lỗ 17h, ví dụ, từ lỗ 17h1 đến lỗ 17h10, dọc theo



đường xé 17. Mỗi lỗ 17h được minh họa là dạng hình tròn có đường kính D1, nhưng các lỗ có thể có dạng khác với dạng hình tròn.

Trên các Fig.6 và Fig.7, các phần mép lỗ 17he lần lượt được thiết lập trong các vùng, mỗi vùng có chiều ngang xác định trước, dọc theo các đường tròn ngoài (phần mép bên ngoài) của các lỗ 17h, mà được tạo ra ở tấm phía tiếp xúc với da 26, tấm chống rò rỉ 23, và tấm phía dưới 24. Các phần mép lỗ 17he được bố trí tương ứng với các lỗ 17h tạo kết cấu đường xé 17. Khoảng cách  $w$  từ phần đường tròn bên ngoài của mỗi lỗ 17h đến phần đường tròn bên ngoài của mỗi phần mép lỗ 17he, ví dụ, nằm trong khoảng từ 0,1mm đến 1,0mm. Hơn nữa, theo việc giải thích sau đây, tấm chống rò rỉ 23 được gọi là chi tiết tấm thứ nhất, tấm phía tiếp xúc với da 26 được gọi là chi tiết tấm thứ hai, và tấm phía dưới 24 được gọi là chi tiết tấm thứ ba.

Giữa chi tiết tấm thứ nhất và chi tiết tấm thứ hai, việc nối vùng đích H được bố trí để nối hai tấm. Vùng đích nối H là vùng được biểu diễn là miền gạch chéo trên các Fig.6 và Fig.7. Theo phương án sáng chế, vùng đích nối kiểu dải H được bố trí dọc theo hướng chiều dọc theo cách này để bao gồm đường xé 17. Điều đó có nghĩa là, vùng đích nối H được bố trí theo cách này để bao quanh các lỗ 17h. Có nghĩa là, chất kết dính như keo hàn nhiệt (HMA) được áp dụng vào khoảng xác định trước trong vùng đích nối H giữa hai chi tiết tấm xếp chồng theo hướng chiều dày, để tạo ra phần nối 50 để nối hai chi tiết tấm với nhau. Tương tự, vùng đích nối H còn được bố trí giữa chi tiết tấm thứ nhất và chi tiết tấm thứ ba để nối hai tấm, sao cho phần nối 50 được tạo ra ở vùng đích nối H.

Trên các Fig.6 và Fig.7, HMA được áp dụng vào tất cả các khoảng trong vùng đích nối H ở ít nhất một chi tiết tấm ngoài các chi tiết tấm thứ nhất và thứ hai. Điều đó có nghĩa là, phần nối 50 được tạo ra về cơ bản là dạng dải hình chữ nhật dọc theo hướng chiều dọc ở vùng tương đương với vùng đích nối H. Do đó, nhiều lỗ 17h tạo kết cấu đường xé 17 ở trạng thái này mà mỗi lỗ được bao quanh bởi HMA. Theo sáng chế, mẫu gắn HMA này được gọi là "mẫu phủ". Trong mẫu phủ, có thể đảm bảo nối hai chi tiết tấm, và thích hợp khi mong muốn việc đảm

bảo độ bền nổi. Tuy nhiên, mẫu phần nổi 50 không bị giới hạn đối với mẫu phủ, nhưng phần nổi 50 có thể được tạo ra ở các mẫu khác nhau so với mẫu phủ do thay đổi mẫu gắn HMA nằm trong khoảng vùng đích nổi H.

Các Fig.8A và Fig.8B là sơ đồ minh họa các ví dụ của các mẫu khác của phần nổi 50. Fig.8A minh họa ví dụ khi được áp dụng theo hình xoắn ốc nằm trong khoảng vùng đích nổi H. Theo sáng chế, mẫu gắn này được gọi là “mẫu hình xoắn ốc”. Trong phần nổi 50 được tạo ra trong mẫu hình xoắn ốc, lượng sử dụng HMA có thể được giảm khi so với lượng trong mẫu phủ. Hơn nữa, do trọng lượng trên đơn vị diện tích của HMA trong vùng đích nổi H được giảm xuống, nên ngăn tấm khỏi bị cứng do HMA. Do đó, có thể duy trì cảm nhận về vùng đích nổi H trong tã lót 1 để làm mềm mại. Fig.8B minh họa ví dụ khi được áp dụng theo cách uốn khúc dọc theo hướng chiều dọc nằm trong khoảng vùng đích nổi H. Theo sáng chế, mẫu gắn này được gọi là “mẫu omega”. Trong phần nổi 50 được tạo ra theo mẫu omega, lượng sử dụng HMA có thể được giảm tương tự đối với trường hợp mẫu hình xoắn ốc, và do đó cảm giác vùng đích nổi H có thể được duy trì để làm mềm mại.

Như được minh họa trên Fig.7, trong tã lót 1 theo phương án sáng chế, các phần nổi 50 và các phần mép lỗ 17h được tạo ra ở vị trí mà chúng được xếp chồng với nhau theo hướng chiều ngang ở đó. Mặt khác, các phần mép lỗ 17h ở trạng thái này để được nối với nhau, giữa chi tiết tấm thứ nhất (tấm chống rò rỉ 23) và chi tiết tấm thứ hai (tấm phía tiếp xúc với da 26), và giữa chi tiết tấm thứ nhất (tấm chống rò rỉ 23) và chi tiết tấm thứ ba (tấm phía dưới 24). Do đó, khi mặc/tháo tã lót 1 và các cánh bên 14 được kéo theo hướng chiều ngang để áp dụng lực theo hướng chiều ngang vào phần tương ứng với các lỗ 17h, các lỗ 17h có thể nhận thấy rõ một cách dễ dàng.

Fig.9 là sơ đồ giải thích minh họa trạng thái của lỗ 17h khi việc ép theo hướng chiều ngang thực hiện trên Fig.7. Khi lực kéo các cánh bên 14 theo hướng chiều ngang tác động, độ lệch theo hướng cắt xảy ra ở từ tấm thứ nhất đến tấm thứ ba, như được minh họa trên Fig.9. Đồng thời, lực tác động lên lỗ 17h được tạo ra ở

mỗi chi tiết tấm, theo hướng làm tăng đường kính của khoảng hở của nó, nhờ đó làm tăng đường kính của lỗ 17h, được biểu diễn bởi D1 trên Fig.7, đến D2 trên Fig.9 ( $D2 > D1$ ).

Ở đây, phần mép lỗ 17he được bố trí xung quanh lỗ 17h của chi tiết tấm thứ nhất và phần mép lỗ 17he được bố trí xung quanh lỗ 17h ở chi tiết tấm thứ hai được nối với nhau, và do đó độ lệch ở vị trí theo hướng chiều ngang của lỗ 17h không thể xảy ra giữa hai chi tiết tấm. Tương tự, độ lệch ở vị trí theo hướng chiều ngang của lỗ 17h cũng không thể xảy ra giữa chi tiết tấm thứ nhất và chi tiết tấm thứ ba. Do đó, ở lỗ 17h, đường kính của vùng đi qua từ tấm thứ nhất đến tấm thứ ba theo hướng chiều dày dường như như đã được làm tăng từ D1 đến D2 ( $D2 > D1$ ), nhờ đó có thể nhận thấy bằng mắt thường một cách dễ dàng. Nên lưu ý là Fig.10 minh họa trường hợp mà lực không đổi theo hướng chiều ngang gây ra ở từ chi tiết tấm thứ nhất đến tấm thứ ba. Trong thực tế, khi các cánh bên 14 được kéo theo hướng chiều ngang, lực tác động lên các chi tiết tấm thường thay đổi. Tuy nhiên, ngay cả khi trong trường hợp mà hướng của lực tác động thay đổi, nếu phần mép lỗ 17he và phần nối 50 xếp chồng với nhau giữa hai chi tiết tấm, thì độ lệch ở vị trí theo hướng chiều ngang của phần mép lỗ 17h không thể xảy ra. Như được nêu trên, do khoảng hở của lỗ 17h dường như đã được mở rộng, đường xé 17 có thể nhận thấy một cách dễ dàng.

Nên lưu ý là, để đường xé 17 được nhận thấy bằng mắt thường một cách dễ dàng, mong muốn là hai hoặc nhiều lỗ 17h hơn gần kề nhau, trong các lỗ 17h được đặt theo dãy dọc theo đường xé 17, dường như được mở rộng. Có nghĩa là, giả thiết là hai lỗ 17h ngay cạnh nhau lần lượt là lỗ thứ nhất và lỗ thứ hai, mong muốn tạo kết cấu sao cho phần mép lỗ thứ nhất dọc theo đường tròn ngoài của lỗ thứ nhất và phần mép lỗ thứ hai dọc theo đường tròn ngoài của lỗ thứ hai trùng với phần nối 50 nối hai chi tiết tấm. Việc này là do, ví dụ, trên Fig.6, giả thiết là lỗ 17h1 là lỗ thứ nhất và lỗ 17h2 cạnh lỗ 17h1 là lỗ thứ hai, trường hợp này là lỗ thứ nhất và lỗ thứ hai được mở rộng theo hàng có thể thấy rõ hơn là trường hợp mà chỉ mở rộng lỗ thứ nhất. Do đó, đối với vùng đích nối H được thiết lập dọc theo đường

xé 17 cũng như phần nổi 50 được tạo ra ở mẫu phủ, tất cả các lỗ 17h bao gồm trong vùng đích nổi H dường như sẽ được mở rộng, và do đó đường xé 17 nói chung trở nên có thể thấy rõ. Trong trường hợp Fig.6, mười lỗ 17h từ 17h1 đến 17h10 được đặt theo hàng được nhận thấy bằng mắt thường một cách dễ dàng, và làm cho đường xé 17 có thể thấy rõ một cách dễ dàng.

Hơn nữa, trong mỗi cánh bên 14 có đường xé 17 được tạo ra ở đó ở tã lót 1 theo phương án sáng chế, tấm chống rò rỉ 23 được tạo kết cấu với tấm màng được bố trí giữa tấm phía tiếp xúc với da 26 và tấm phía dưới 24. Đối với các lỗ 17h được tạo ra trong tấm màng này, trở nên có thể nhận thấy dễ dàng dạng bên ngoài của các lỗ 17h. Điều này là do tấm màng có bề mặt nhẵn, và do đó khi các lỗ 17h được tạo ra ở bề mặt nhẵn này, các mép bên ngoài (các mép) của các lỗ 17h trở nên có thể thấy rõ. Do đó, đối với các lỗ 17h được tạo ra trong mỗi cánh bên 14 ở vị trí mà tấm chống rò rỉ 23 được bố trí, đường xé 17 có thể thấy rõ hơn.

Hơn nữa, trên Fig.6, phần nổi 50 được tạo ra ở mẫu phủ trong vùng đích nổi H, tuy nhiên, ngay cả khi phần nổi 50 được tạo ra ở mẫu omega hoặc mẫu hình xoắn ốc, thì có thể đạt được hiệu quả này như được nêu trên. Fig.10 là sơ đồ giải thích minh họa ví dụ khi phần nổi 50 được tạo ra ở dạng mẫu omega (hoặc có thể được tạo ra ở dạng mẫu hình xoắn ốc) trong vùng đích nổi H. Trong trường hợp này, phần nổi 50 và các phần mép lỗ 17he xếp chồng với nhau đối với các lỗ 17h1 và 17h2 và các lỗ 17h4 và 17h5, mỗi cặp cạnh nhau, trong số năm lỗ từ 17h1 đến 17h5 được minh họa trên Fig.10. Do đó, khi các cánh bên 14 được kéo theo hướng chiều ngang, các đường kính của khoảng hở của ít nhất các lỗ 17h1 và 17h2 và các lỗ 17h4 và 17h5 dường như được làm tăng lên, như được minh họa trên Fig.9, mà có thể làm cho đường xé 17 có thể thấy rõ một cách dễ dàng.

Do đó, theo phương án sáng chế, phần nổi 50 mà nổi xếp chồng các chi tiết tấm và các phần mép lỗ 17he của hai hoặc nhiều lỗ 17h ngay gần kề với nhau trong các lỗ 17h làm cho xếp chồng với nhau. Mặt khác, phần mép lỗ thứ nhất dọc theo đường tròn ngoài của phần mép lỗ thứ nhất và lỗ thứ hai dọc theo đường tròn ngoài của lỗ thứ hai cạnh lỗ thứ nhất được làm cho xếp chồng với phần nổi 50 nổi

chi tiết tấm thứ nhất và chi tiết tấm thứ hai. Do đó, các lỗ 17h đi qua các chi tiết tấm có thể được nhận thấy bằng mắt thường một cách dễ dàng, nhờ đó làm cho đường xé 17 có thể thấy rõ.

(Ví dụ được cải biến)

Theo phương án nêu trên, mô tả ví dụ này mà phần mép lỗ 17he và phần nối 50 xếp chồng với nhau trong mỗi giữa từ chi tiết tấm thứ nhất đến chi tiết tấm thứ ba. Tuy nhiên, miễn là các phần mép lỗ 17he và phần nối 50 xếp chồng thành hai chi tiết tấm xếp chồng ngoài ba chi tiết tấm, đường xé 17 có thể thấy rõ dễ dàng đối với phần này.

Các Fig.11A và 11B là sơ đồ giải thích minh họa ví dụ khi các phần mép lỗ 17he và phần nối 50 không xếp chồng giữa chi tiết tấm thứ nhất và chi tiết tấm thứ ba. Trên Fig.11A, các phần mép lỗ 17he và phần nối 50 xếp chồng với nhau giữa chi tiết tấm thứ nhất (tấm chống rò rỉ 23) và chi tiết tấm thứ hai (tấm phía tiếp xúc với da 26), trong khi phần mép lỗ 17he và phần nối 50 không xếp chồng giữa chi tiết tấm thứ nhất (tấm chống rò rỉ 23) và chi tiết tấm thứ ba (tấm phía dưới 24). Fig.11B minh họa trường hợp mà lực theo hướng chiều ngang tác động lên chi tiết tấm ở trạng thái trên Fig.11A. Độ lệch ở vị trí theo hướng chiều ngang của lỗ 17h không thể xảy ra giữa chi tiết tấm thứ nhất và chi tiết tấm thứ hai như được giải thích có tham chiếu trên Fig.9. Hơn nữa, do kích cỡ khoảng hở được mở rộng từ D1 đến D2, lỗ 17h được nhận thấy bằng mắt thường một cách dễ dàng. Mặt khác, do các phần mép lỗ 17he được nối với phần nối 50 giữa chi tiết tấm thứ nhất và chi tiết tấm thứ ba, độ lệch theo hướng cắt giữa các chi tiết tấm trở nên lớn hơn, và do đó, độ lệch ở vị trí theo hướng chiều ngang của lỗ 17h có thể trở nên lớn hơn. Ở trạng thái này, khi lỗ 17h được nhìn từ phía không tiếp xúc với da theo hướng chiều dày, vùng mà về thực tế được nhìn như vùng đi qua là khoảng được biểu diễn bởi D3 trên Fig.11B, và kích cỡ của lỗ 17h dường như nhỏ hơn kích cỡ của D2 ( $D2 > D3$ ). Điều đó có nghĩa là, khi tấm lót 1 được nhìn từ phía tiếp xúc da (từ phía tấm phía tiếp xúc với da 26), đường xé 17 có thể thấy rõ, ngược lại khi tấm lót 1 được nhìn từ phía không tiếp xúc với da (từ phía tấm phía dưới 24), đường xé 17

có thể ít thấy rõ.

Trong ví dụ được cải biến, có thể tạo kết cấu tă lót 1 mà trong đó đường xé 17 ít nhận thấy dễ dàng bằng mắt thường từ bên ngoài (từ phía không tiếp xúc với da), nhưng đường xé 17 được nhận thấy bằng mắt thường dễ dàng từ bên trong (từ phía tiếp xúc da). Đối với kết cấu này, khi tháo tă lót 1, vị trí của đường xé 17 nắm được dễ dàng bằng cách nâng cánh bên 14 lên để kiểm tra bên trong. Mặt khác, các lỗ 17h của đường xé 17 có thể ít thấy rõ từ bên ngoài của tă lót 1. Việc này có thể ngăn người sử dụng khỏi cảm giác không an toàn khi xem xét về các chất rò rỉ có thể rò rỉ ra khỏi các lỗ 17h ra bên ngoài tă lót 1 hoặc tă lót 17 có thể bị xé khi được mặc.

Kết cấu này cũng có thể có mà các phần mép lỗ 17he và phần nối 50 xếp chồng với nhau giữa chi tiết tấm thứ nhất (tấm chống rò rỉ 23) và chi tiết tấm thứ ba (tấm phía dưới 24) và các phần mép lỗ 17he và phần nối 50 không xếp chồng với nhau giữa chi tiết tấm thứ nhất (tấm chống rò rỉ 23) và chi tiết tấm thứ hai (tấm phía tiếp xúc với da 26).

Hơn nữa, theo phương án nêu trên, (các) đường xé 17 đi qua ba chi tiết tấm đã được nêu. Tuy nhiên, ngay cả khi đường xé 17 đi qua chỉ hai chi tiết tấm, có thể đạt được hiệu quả tương tự. Ví dụ, ở phần sau 7c trên các Fig.5A và Fig.5B, một phần đường xé 17 đi qua phần mà trong đó hai chi tiết tấm của tấm phía tiếp xúc với da 26 (được gọi là chi tiết tấm thứ nhất) và tấm phía dưới 24 (được gọi là chi tiết tấm thứ hai) xếp chồng với nhau. Có nghĩa là, các lỗ 17h được tạo ra ở phần mà trong đó tấm chống rò rỉ 23 không có sẵn. Trong trường hợp này, kết cấu được làm tương tự sao cho phần mép lỗ thứ nhất 17he và phần mép lỗ thứ hai 17he mà cạnh nhau ở các phần mép lỗ 17he mà được tạo ra lần lượt dọc theo các đường tròn ngoài của các lỗ 17h, xếp chồng với phần nối 50 nối chi tiết tấm thứ nhất và chi tiết tấm thứ hai, nhờ đó có thể nhận thấy dễ dàng bằng mắt thường việc mở rộng của các lỗ 17h trong phần này, mà có thể làm cho đường xé 17 có thể thấy rõ một cách dễ dàng.

Ví dụ khác

Phương án nêu trên này tạo điều kiện thuận lợi cho việc hiệu sáng chế và không theo một số cách để giải thích khi giới hạn sáng chế. Hiển nhiên là sáng chế có thể được thay đổi khác nhau theo từng trường hợp hoặc được thay đổi mà không vượt quá phạm vi của sáng chế, và bao gồm sự tương đương của chúng.

Theo phương án nêu trên, các đường xé 17 được tạo ra ở phía phần sau 7 của tã lót 1, nhưng (các) đường xé có thể được tạo ra ở phần khác. Trên Fig.1, các đường chấm để xé 19, mà là một kiểu của đường xé, được lần lượt tạo ra dọc theo hướng chiều dọc từ phần đầu theo chiều dọc ở phía phần trước 3 trong các cánh bên 14. Mỗi đường chấm để xé 19 được tạo kết cấu với nhiều lỗ 19h đi qua (các) chi tiết tấm như tấm phía tiếp xúc với da 26, tương tự đối với các đường xé 17. Hơn nữa, các phần mép lỗ 19he (không được thể hiện trên Fig.1) được tạo ra xung quanh các đường tròn ngoài của các lỗ 19h. Sau đó, kết cấu được làm sao cho phần nối 50 nối hai chi tiết tấm xếp chồng và hai hoặc nhiều phần mép lỗ 19he mà gần kề với phần khác xếp chồng với nhau, nhờ đó có thể làm cho các đường chấm để xé 19 có thể thấy rõ một cách dễ dàng, tương tự đối với trường hợp các đường xé 17.

Do các đường chấm để xé 19 này được tạo ra ở phần trước 3 của tã lót 1, ví dụ, ở phía bụng của phần thắt lưng (phần thắt lưng thứ nhất 3), tã lót 1 ở phía bụng có thể được xé dễ dàng dọc theo các đường chấm để xé 19 trong khi tã lót được mặc. Sau đó, bằng cách gấp lại phần xé này, phần bụng của người mặc có thể bị lộ ra trong khi đang mặc tã lót 1. Trong các trường hợp mà người mặc tã lót 1 là trẻ sơ sinh có cân nặng thấp, mong muốn là, khi việc xử lý ánh sáng hoặc tương tự được thực hiện, ánh sáng được chiếu vào khoảng lớn hơn của cơ thể chúng. Trong trường hợp này, bằng cách xé tã lót 1 ở phía bụng dọc theo các đường chấm để xé 19 để được gấp lại, có thể áp dụng ánh sáng vào khoảng lớn hơn của phần bụng trong khi giữ cơ thể của trẻ sơ sinh có cân nặng thấp khỏi việc tiếp xúc nhiều nhất có thể. Hơn nữa, do các đường chấm để xé 19 được bố trí ở các vị trí được minh họa trên Fig.1, phần thắt lưng thứ nhất 3 của tã lót 1 có thể được gấp dễ dàng dọc theo độ tròn của người mặc dựa vào các đường chấm để xé 19, và do đó độ phù

hợp của tã lót 1 có thể được cải thiện.

Nên lưu ý là các đường xé 17 và các đường chấm để xé 19 về cơ bản được tạo ra lần lượt ở cùng vị trí theo hướng chiều ngang trong tã lót 1 ở trạng thái khai triển của nó (xem Fig.1). Khi tã lót 1 được sản xuất, nhiều chi tiết tấm ở trạng thái trên Fig.1 được vận chuyển theo cách liên tục và được nối theo hướng chiều dọc. Có nghĩa là, tã lót 1 ở trạng thái khai triển của nó được vận chuyển dọc theo hướng chiều dọc, với phần đầu theo hướng chiều dọc phía trước của tã lót 1 này được nối với phần đầu theo hướng chiều dọc phía sau của tã lót 1 kia. Sau đó, trong quá trình vận chuyển, các tã lót 1 được thực hiện với nhiều lỗ dọc theo hướng chiều dọc theo cách này cắt ngang các phần được nối, sao cho các đường chấm để xé 19 và các đường xé 17 lần lượt được tạo ra theo cách liên tục. Có nghĩa là, có thể tạo ra các đường chấm để xé 19 trong quá trình tạo ra các đường xé 17, đồng thời, và do đó vấn đề làm tăng chi phí sản xuất hoặc tương tự không xảy ra.

Hơn nữa, tã lót 1 có thể có các khía cạnh sau đây.

(Khía cạnh 1)

Tã lót dùng một lần khác biệt ở chỗ chi tiết co giãn dạng đường tròn quanh chân được tạo kết cấu để co lại phần tương ứng với mỗi khoảng hở quanh chân được bố trí dọc theo hướng chiều dọc ở mỗi vị trí trên cả hai phía theo hướng chiều ngang, và khi phần đường cong của mỗi đường xé gần như được chia thành hai phần mà là phần phía khoảng hở quanh thắt lưng và phần phía khoảng hở quanh chân, cũng như khi chi tiết co giãn dạng đường tròn quanh chân được nhìn từ hướng độ dày của tã lót, chi tiết co giãn dạng đường tròn quanh chân cắt với phần trên phía khoảng hở quanh thắt lưng của phần đường cong.

(Khía cạnh 2)

Tã lót dùng một lần khác biệt bởi bao gồm nhiều chi tiết tấm được tạo lớp theo hướng độ dày, trong đó số chi tiết tấm tạo lớp ở ít nhất một phần đường cong của mỗi đường xé nhỏ hơn số chi tiết tấm tạo lớp ở phần đường thẳng của mỗi đường xé.

(Khía cạnh 3)



Tã lót dùng một lần khác biệt bởi bao gồm màng nhựa (tấm chống rò rỉ) mà hướng kéo căng của nó ở thời gian sản xuất dọc theo hướng chiều dọc, và phần đương thẳng của mỗi đường xé 17 được tạo ra trong màng nhựa.

(Khía cạnh 4)

Tã lót dùng một lần khác biệt ở chỗ phần tạo ra chun dựng kiểu tấm (chun phía quanh chân) được bố trí dọc theo hướng chiều dọc ở mỗi vị trí trên cả hai phía theo hướng chiều ngang; phần tạo ra chun dựng bao gồm phần đầu cơ sở không có khả năng dựng theo hướng chiều dày và phần dựng có khả năng dựng lên trên phía tiếp xúc với da theo hướng độ dày với phần đầu cơ sở dùng làm phần đỡ, phần đầu cơ sở và phần dựng được bố trí theo hướng chiều ngang; phần dựng được tạo kết cấu để co lại theo hướng chiều dọc dựa vào lực co rút theo chiều dọc tác động đến phần dựng sao cho phần dựng dựng lên trên phía tiếp xúc với da theo hướng độ dày; đường xé được tạo ra ở phía ngoài theo hướng chiều ngang đối với phần đầu cơ sở và phần dựng.

(Khía cạnh 5)

Tã lót dùng một lần khác biệt bởi bao gồm lõi thấm hút (thân thấm hút) ở trung tâm theo hướng chiều ngang, lõi thấm hút được tạo ra sao cho vật liệu thấm hút dạng lòng mà thấm hút chất lỏng được xếp chồng theo hướng độ dày, trong đó đường xé được tạo ra ở phía ngoài theo hướng chiều ngang đối với lõi thấm hút.

### **Hiệu quả đạt được bởi sáng chế**

Theo sáng chế, trong tã lót dùng một lần bao gồm đường xé, đường xé có thể được tạo kết cấu để dễ dàng nhìn thấy được.

### **YÊU CẦU BẢO HỘ**

1. Tã lót dùng một lần bao gồm phần thắt lưng thứ nhất, phần đũng, và phần thắt lưng thứ hai mà được bố trí theo hướng chiều dọc, trong đó tã lót dùng một lần này bao gồm:

cánh bên được tạo kết cấu sao cho chi tiết tấm thứ nhất và chi tiết tấm thứ hai xếp chồng với nhau;

băng gài được nối với cánh bên ở phía phần thắt lưng thứ hai;

đường xé được bố trí trên cánh bên ở phía phần thắt lưng thứ hai, đường xé này được tạo kết cấu sao cho nhiều lỗ đi qua các chi tiết tấm thứ nhất và thứ hai được bố trí; và

các phần mép lỗ,

băng gài được tạo kết cấu để khớp với phần thắt lưng thứ nhất, để tạo ra khoảng hở quanh thắt lưng đơn và cặp khoảng hở quanh chân,

đường xé là một phần dọc mà tã lót được xé khi tã lót được tháo bỏ ra khỏi cơ thể người mặc,

đường xé kéo dài từ khoảng hở quanh thắt lưng đến mỗi khoảng hở quanh chân,

các phần mép lỗ bao gồm các phần mép lỗ thứ nhất và thứ hai, chi tiết tấm thứ nhất bao gồm phần mép lỗ thứ nhất mà dọc theo đường tròn ngoài của phần mép lỗ thứ nhất và lỗ thứ hai mà dọc theo đường tròn ngoài của lỗ thứ hai cạnh lỗ thứ nhất,

các phần mép lỗ thứ nhất và thứ hai xếp chồng với phần nối mà nối các chi tiết tấm thứ nhất và thứ hai xếp chồng với nhau.

2. Tã lót dùng một lần theo điểm 1, trong đó:

chi tiết tấm thứ nhất bao gồm các phần mép lỗ được tạo ra lần lượt dọc theo các đường tròn ngoài của nhiều lỗ, và

tất cả các phần mép lỗ xếp chồng với phần nối mà nối các chi tiết tấm thứ nhất và thứ hai.

3. Tã lót dùng một lần theo điểm 1 hoặc 2, trong đó tã lót dùng một lần này còn bao gồm:

chi tiết tấm thứ ba xếp chồng với chi tiết tấm thứ nhất trên bề mặt, của chi tiết tấm thứ nhất, đối diện với chi tiết tấm thứ hai, trong đó:

các phần mép lỗ thứ nhất và thứ hai xếp chồng với phần nối mà nối các chi tiết tấm thứ nhất và thứ hai và phần nối mà nối các chi tiết tấm thứ nhất và thứ ba.

4. Tã lót dùng một lần theo điểm 1 hoặc 2, trong đó tã lót dùng một lần này còn bao gồm:

chi tiết tấm thứ ba xếp chồng với chi tiết tấm thứ nhất trên bề mặt, của chi tiết tấm thứ nhất, đối diện với chi tiết tấm thứ hai, trong đó:

các phần mép lỗ thứ nhất và thứ hai xếp chồng với phần nối mà nối các chi tiết tấm thứ nhất và thứ hai, và không xếp chồng với phần nối mà nối các chi tiết tấm thứ nhất và thứ ba.

5. Tã lót dùng một lần theo điểm bất kỳ trong số các điểm từ 1 đến 4, trong đó:

chi tiết tấm thứ nhất được tạo ra bằng cách sử dụng tấm màng.

6. Tã lót dùng một lần theo điểm bất kỳ trong số các điểm từ 1 đến 5, trong đó:

phần nối được tạo ra sao cho keo hàn nhiệt được áp dụng theo hình xoắn ốc vào ít nhất một trong số các chi tiết tấm thứ nhất và thứ hai.

7. Tã lót dùng một lần theo điểm bất kỳ trong số các điểm từ 1 đến 6, trong đó:

tỷ lệ các lỗ trên đơn vị chiều dài theo hướng mà trong đó đường xé kéo dài, theo vùng tương ứng với vùng mà trong đó băng gài được bố trí theo hướng chiều dọc, nhỏ hơn tỷ lệ các lỗ trên đơn vị chiều dài theo hướng mà trong đó đường xé kéo dài, theo vùng tương ứng với vùng mà trong đó băng gài không được bố trí theo hướng chiều dọc.

8. Tã lót dùng một lần theo điểm bất kỳ trong số các điểm từ 1 đến 7, trong đó:

băng gài được khớp với phần thắt lưng thứ nhất, để tạo ra khoảng hở quanh thắt lưng đơn và cặp khoảng hở quanh chân, và

nhiều lỗ được bao gồm trên đường xé được bố trí trên đường kéo dài từ phần tạo kết cấu khoảng hở quanh thắt lưng đến phần tạo kết cấu mỗi khoảng hở

quanh chân.

9. Tã lót dùng một lần theo điểm 8, trong đó đường xé bao gồm:

phần đường thẳng kéo dài theo hướng chiều dọc từ phần tạo kết cấu khoảng hở quanh thắt lưng, và

phần đường cong mà được làm cong, hướng ra bên ngoài theo hướng chiều ngang vuông góc với hướng chiều dọc, ở vị trí bên trong theo hướng chiều dọc đối với phần đường thẳng.

10. Tã lót dùng một lần theo điểm bất kỳ trong số các điểm từ 1 đến 9, trong đó tã lót dùng một lần này còn bao gồm:

đường chấm để xé được bố trí, trên cánh bên ở phía phần thắt lưng thứ nhất, ở cùng vị trí theo hướng chiều ngang vuông góc với hướng chiều dọc như vị trí của đường xé, đường chấm để xé được tạo kết cấu sao cho nhiều lỗ đi qua các chi tiết tã thứ nhất và thứ hai được bố trí.

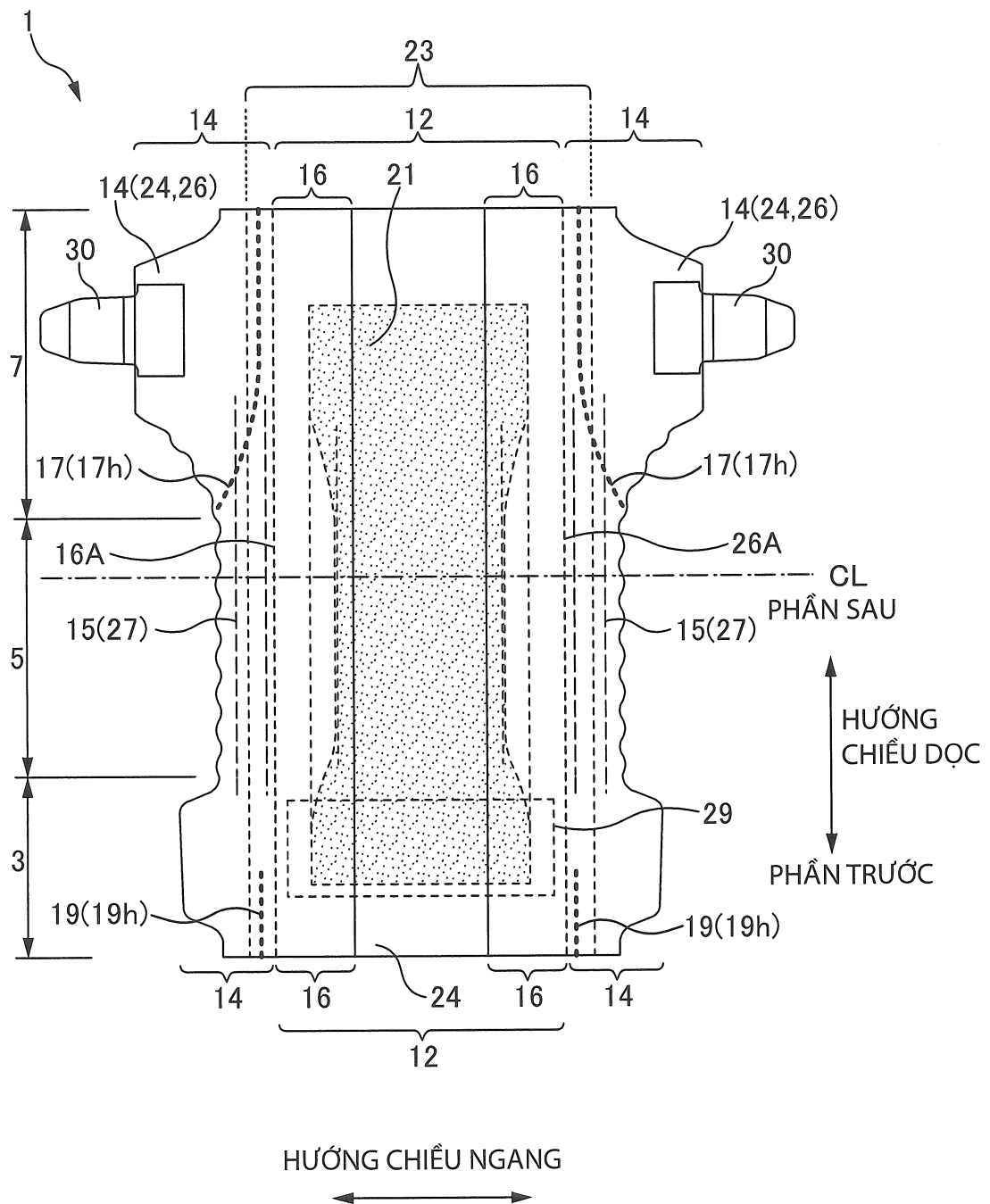
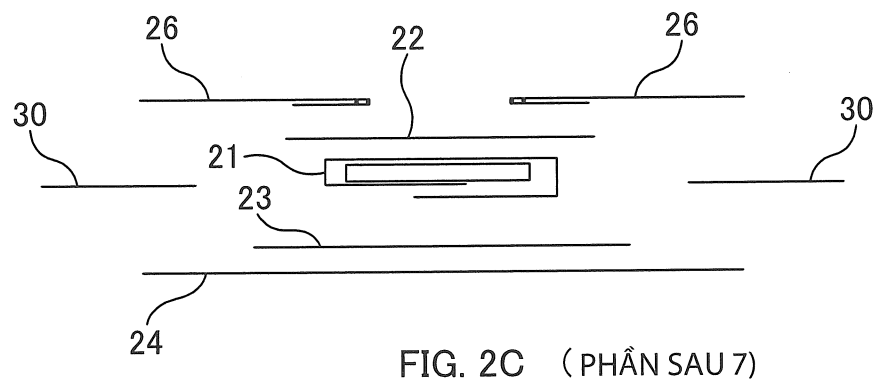
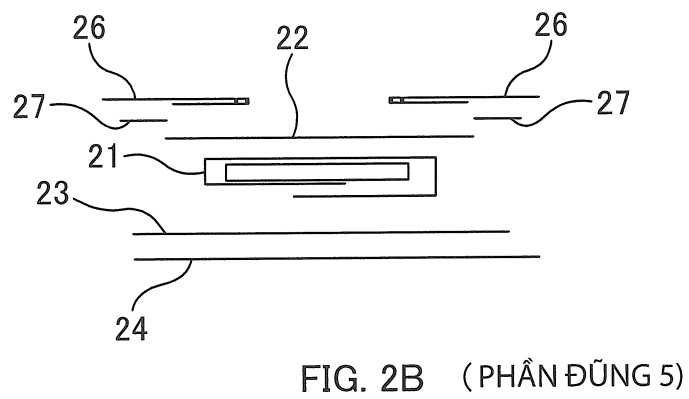
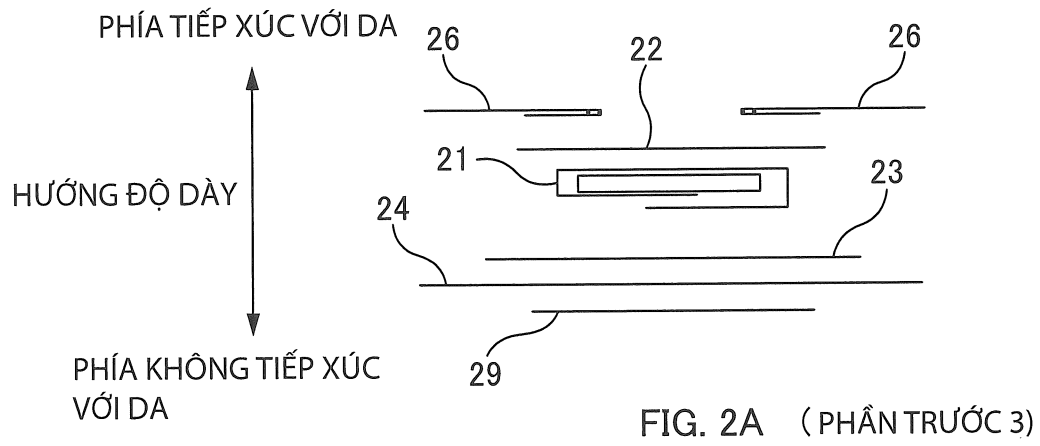


FIG. 1



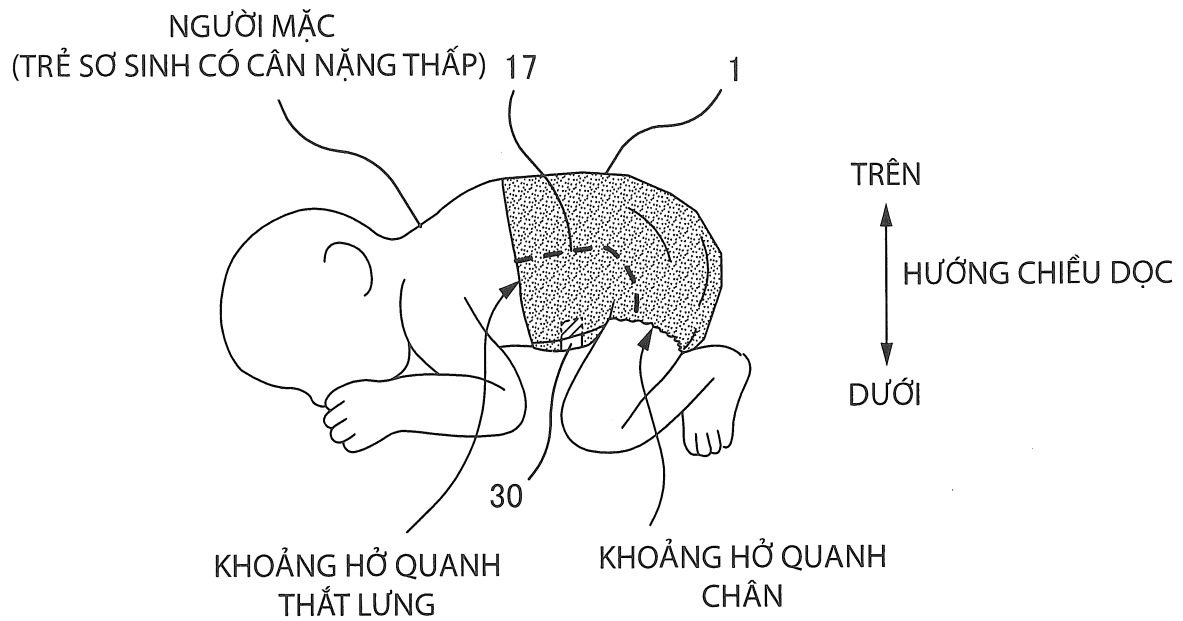


FIG. 3

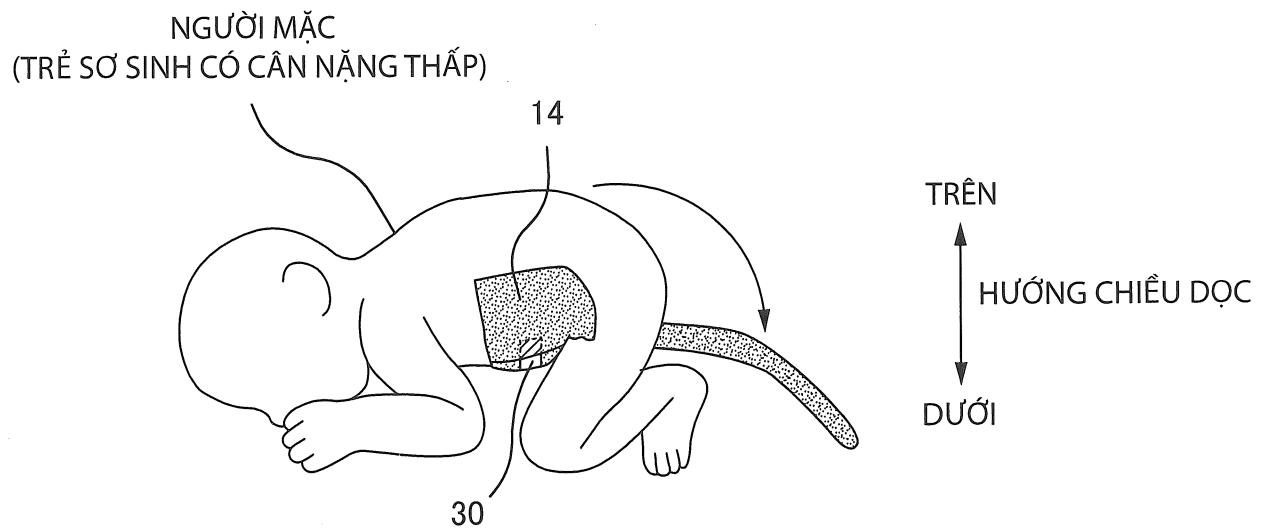


FIG. 4

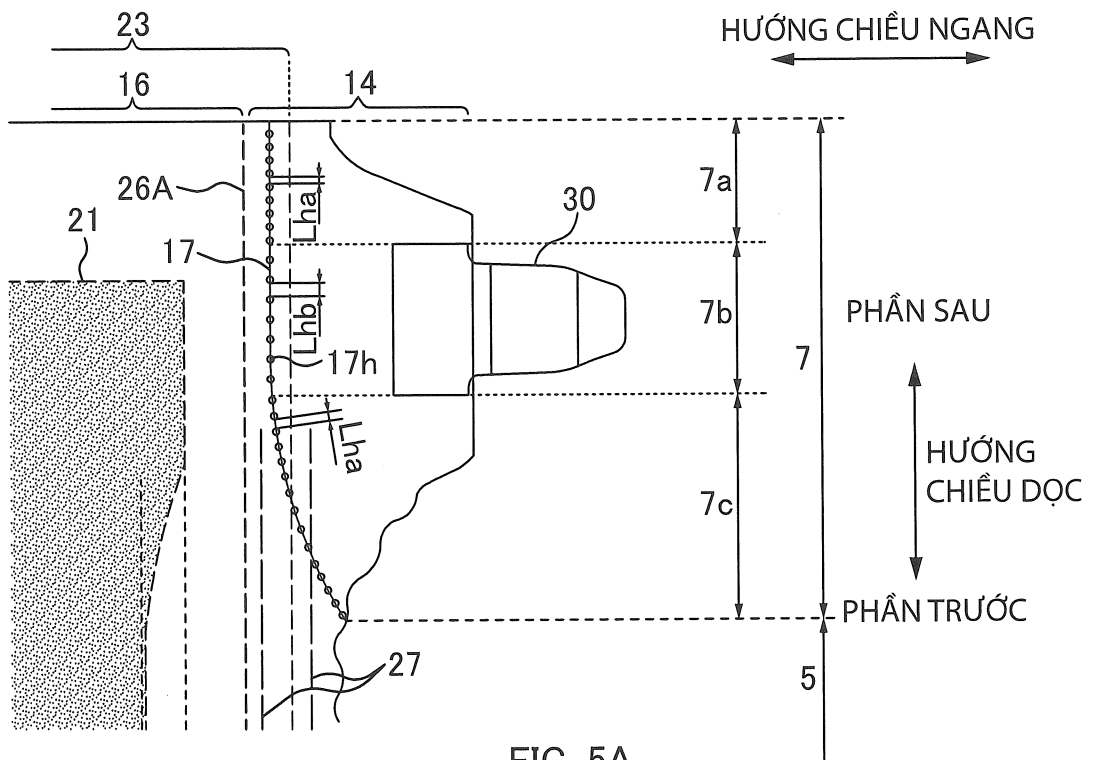


FIG. 5A

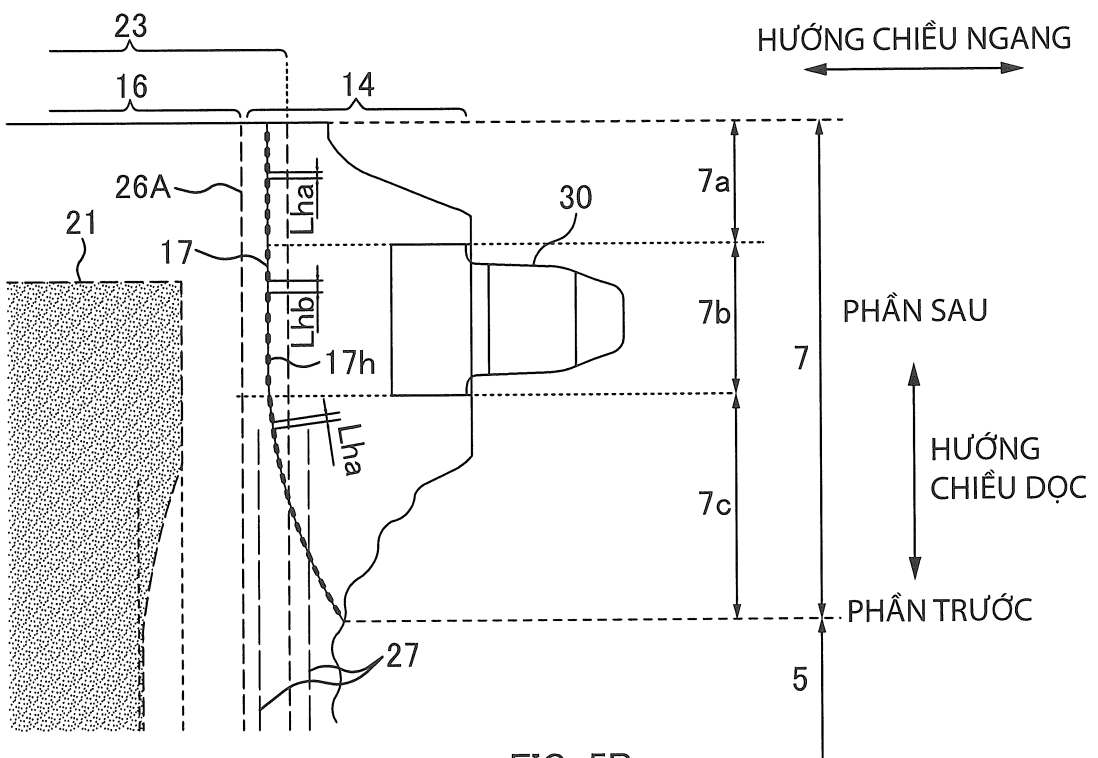


FIG. 5B



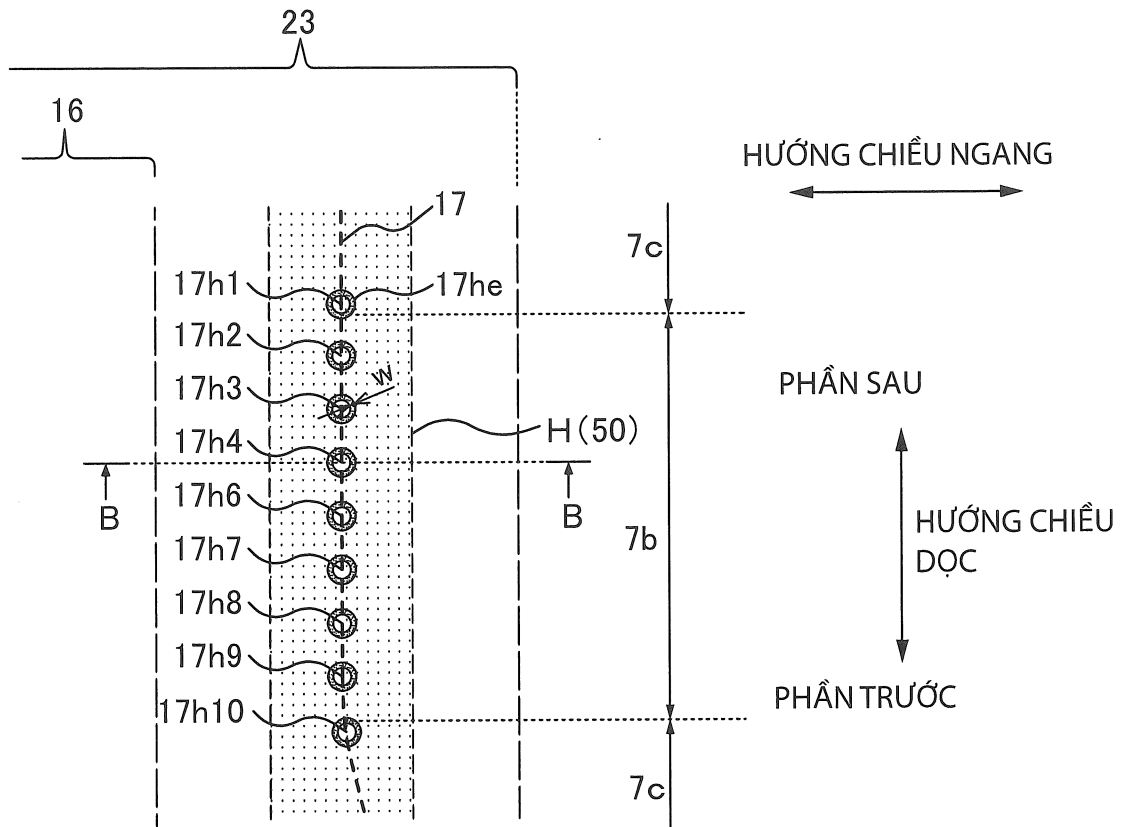


FIG. 6

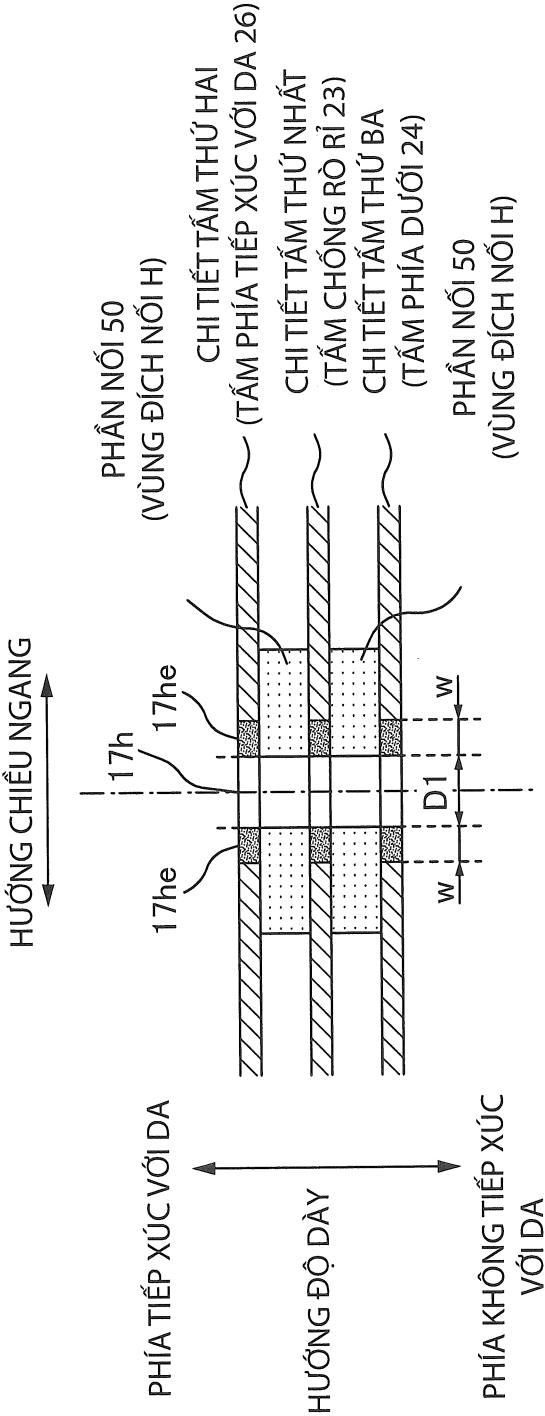


FIG. 7

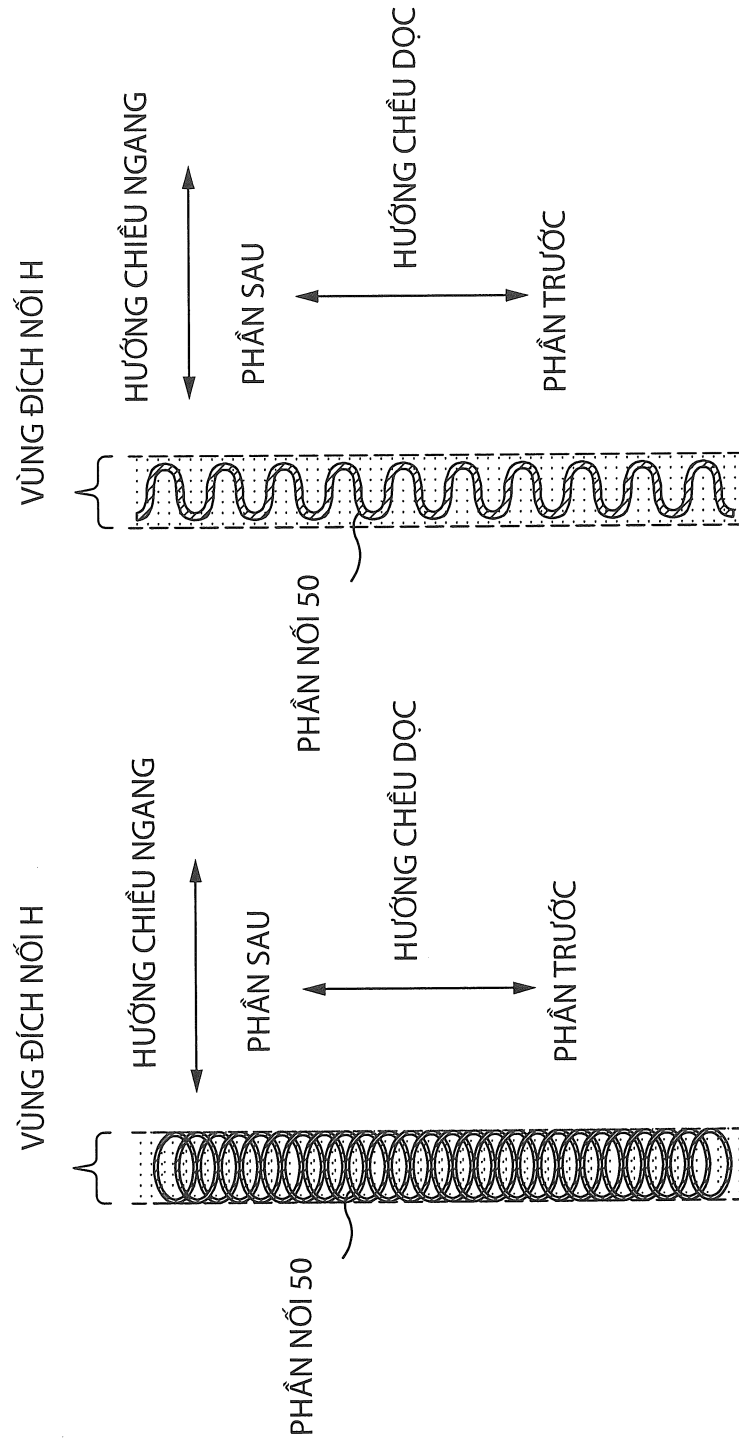


FIG. 8B

FIG. 8A

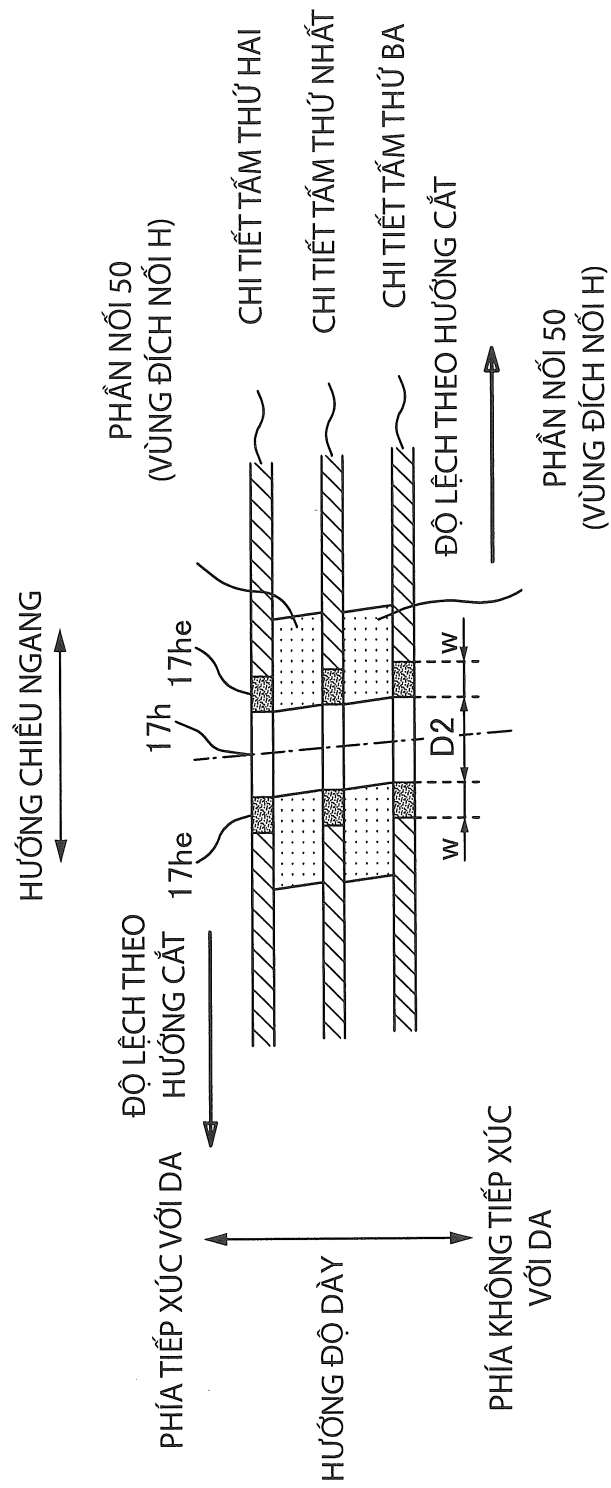


FIG. 9

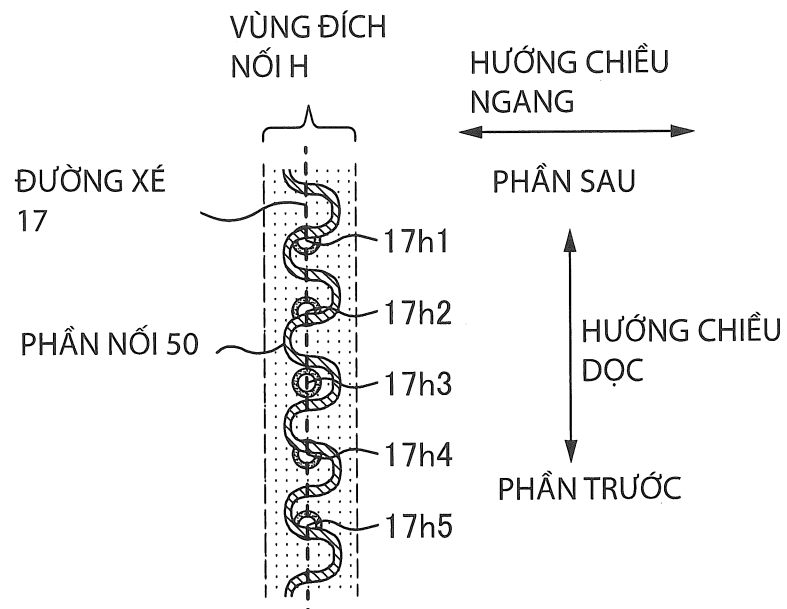


FIG. 10

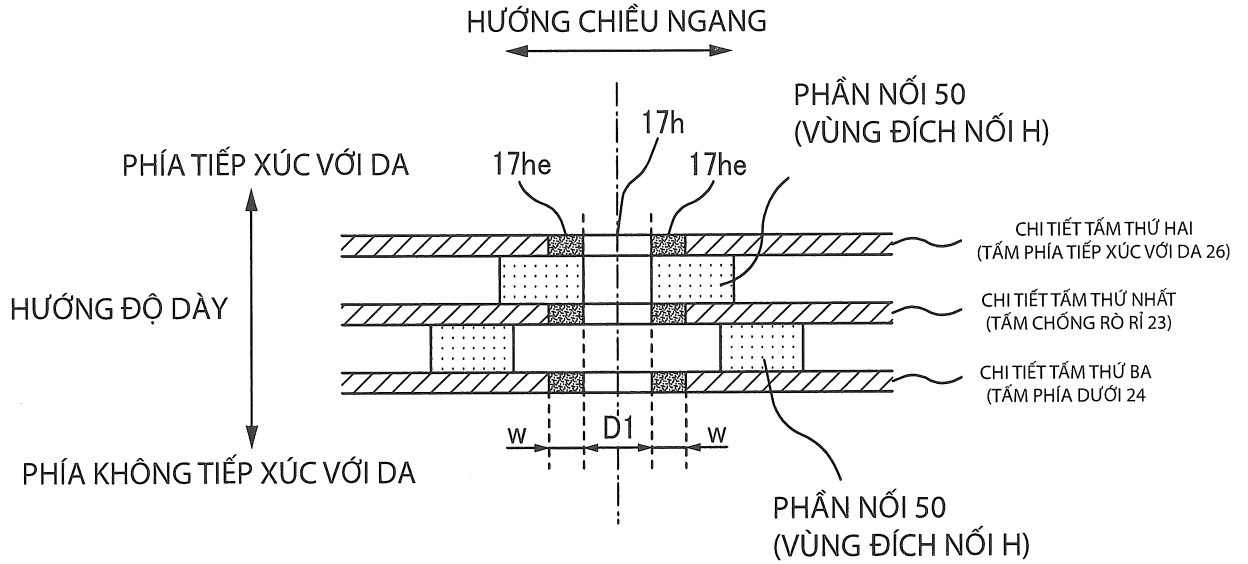


FIG. 11A

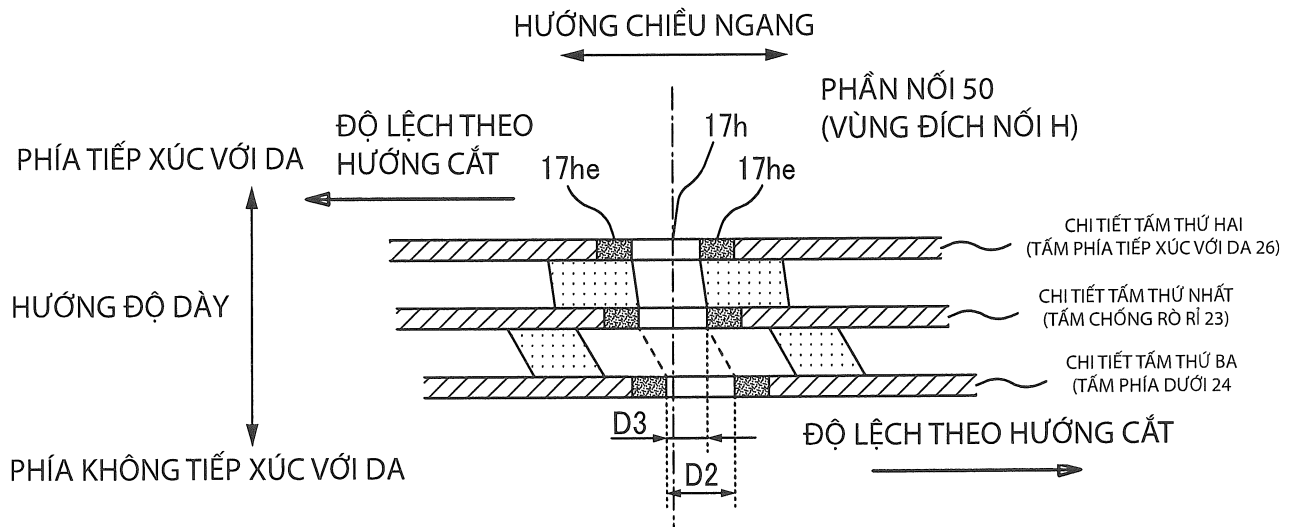


FIG. 11B